

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301378892 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/10/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 28, ngày 12/05/2021)



Ngân hàng Bản Việt

NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng Khoán Hà Nội cấp ngày ... tháng ... năm 2022)

MÃ CHỨNG KHOÁN: BVB122028

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày... /... /2022 tại:

TỔ CHỨC NIÊM YẾT

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT



- Địa chỉ: 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 62 679 679 Fax: (028) 6263 8668

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB



- Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, P. Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 7300 7000 Fax: (028)7300 3751

Phụ trách công bố thông tin:

Họ và tên: Ông Phạm Anh Tú

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Số điện thoại: (028) 62 679 679

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 12/2022



NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301378892 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/10/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 28, ngày 12/05/2021)



Ngân hàng Bản Việt

Địa chỉ: 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 62 679 679 Fax: (84-28) 6263 8668

NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên trái phiếu:	Trái phiếu BVB phát hành ra công chúng năm 2021–2022 (Đợt 2)
Loại trái phiếu:	Trái phiếu nợ thứ cấp, không chuyển đổi, không có đảm bảo, không kèm chứng quyền, xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của BVB theo quy định hiện hành
Mã chứng khoán:	BVB122028
Thời điểm đáo hạn:	26/08/2029
Lãi suất:	8,6%/năm
Kỳ trả lãi:	Lãi được thanh toán sau hàng năm, định kỳ vào ngày tròn (01) năm liên tục kể từ Ngày Phát Hành
Mệnh giá:	100.000 đồng/trái phiếu
Giá chào bán:	100.000 đồng/trái phiếu
Tổng số lượng trái phiếu niêm yết:	9.677.400 (chín triệu, sáu trăm bảy mươi bảy nghìn, bốn trăm) trái phiếu
Tổng giá trị trái phiếu niêm yết theo mệnh giá:	967.740.000.000 đồng (chín trăm sáu mươi bảy tỷ, bảy trăm bốn mươi triệu đồng)

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB



- Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, P. Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

- Điện thoại: (028) 7300 7000 Fax: (028)7300 3751

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	5
1. Rủi ro kinh tế	5
a. Rủi ro lãi suất.....	5
b. Rủi ro tín dụng	6
c. Rủi ro ngoại hối	6
d. Rủi ro thanh khoản.....	7
e. Rủi ro hoạt động ngoại bảng.....	7
2. Rủi ro luật pháp.....	8
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	9
1. Tổ chức phát hành.....	9
III. CÁC KHÁI NIỆM	10
1. Các khái niệm	10
2. Các từ hoặc nhóm từ viết tắt	11
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT	13
1. Thông tin chung về Tổ chức niêm yết	13
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	15
3. Quá trình tăng vốn điều lệ.....	20
4. Cơ cấu tổ chức của tổ chức phát hành	23
4.1. Sơ đồ tổ chức, bộ máy hoạt động:	23
4.2. Diễn giải cơ cấu tổ chức của BVB	23
5. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành.....	23
5.1. Đại hội đồng cổ đông.....	24
5.2. Hội đồng quản trị.....	24
5.3. Văn phòng HĐQT	24
5.4. Ban Kiểm soát	24
5.5. Phòng kiểm toán nội bộ.....	25
5.6. Ủy ban ALCO, Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Quản lý rủi ro, các Ủy ban và Hội đồng khác	25
5.7. Ban Điều hành	25
5.8. Các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và/hoặc các thành viên khác do HĐQT quy định	25
5.9. Các Đơn vị nghiệp vụ BVB.....	25
6. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của BVB; Danh sách cổ đông sáng lập của BVB; Cơ cấu cổ đông.....	28

6.2.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần:	28
6.3.	Danh sách cổ đông sáng lập	28
6.4.	Cơ cấu cổ đông	28
7.	Thông tin về công ty mẹ, công ty con của BVB	29
7.1.	Danh sách những công ty mẹ của BVB	29
7.2.	Danh sách công ty con của tổ chức phát hành	29
7.3.	Danh sách những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối	30
7.4.	Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành	30
8.	Hoạt động kinh doanh	30
8.1.	Đặc điểm hoạt động kinh doanh:	30
8.2.	Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn:	36
8.3.	Thị trường hoạt động:	38
8.4.	Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện	39
9.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	41
10.	Vị thế của BVB so với các ngân hàng khác trong ngành:	44
11.	Chính sách đối với người lao động	49
12.	Tình hình hoạt động tài chính	51
12.1.	Các chỉ tiêu cơ bản:	51
12.2.	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	54
13.	Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng	55
13.1.	Hội đồng Quản trị	55
13.2.	Ban Tổng Giám đốc	62
13.3.	Ban Kiểm soát	65
13.4.	Kế toán trưởng	68
14.	Tài sản:	69
15.	Chính sách chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức	71
16.	Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận trong các năm tiếp theo	71
17.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu và lợi nhuận	73
18.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành	73
19.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan đến Tổ chức đăng ký niêm yết mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết	74
V.	TRÁI PHIẾU NIÊM YẾT:	75
1.	Loại trái phiếu:	75

2. Mã trái phiếu.....	75
3. Mệnh giá:	75
4. Số lượng trái phiếu niêm yết:.....	75
5. Số lượng trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành	75
6. Ngày phát hành	75
7. Ngày Đáo hạn	75
8. Kỳ hạn.....	75
9. Xếp hạng tín nhiệm.....	75
11. Lãi suất và xác định tiền lãi trái phiếu:	76
11.1. Lãi suất:.....	76
11.2. Xác định tiền lãi trái phiếu:.....	76
12. Kỳ hạn trả lãi, trả gốc trái phiếu:.....	78
13. Quyền Mua lại Trái phiếu trước hạn	78
14. Phương pháp tính giá (Công thức kèm ví dụ minh họa)	79
15. Phương pháp tính lợi suất khi đáo hạn (Công thức kèm ví dụ minh họa).....	80
16. Phương pháp thực hiện quyền:.....	81
17. Đánh giá tác động của tình hình lạm phát đối với trái phiếu niêm yết:	81
18. Cam kết về tỷ lệ đảm bảo:.....	81
19. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:	81
20. Các loại thuế có liên quan:	81
20.1. Thuế Thu Nhập Cá Nhân:.....	82
20.2. Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp:.....	82
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN:.....	83
1. Tổ chức kiểm toán:	83
2. Tổ chức tư vấn:	83
VII. PHỤ LỤC.....	83

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhà đầu tư nên xem xét cẩn trọng các nhân tố rủi ro và các nhân tố/ sự kiện không chắc chắn được mô tả bên dưới, cùng với các thông tin trong Bản Báo Bạch này. Hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết có thể bị ảnh hưởng bất lợi đáng kể bởi bất kỳ rủi ro nào trong số đó. Những rủi ro được mô tả dưới đây không phải là những rủi ro duy nhất liên quan đến Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc Trái Phiếu. Những rủi ro và những khả năng không chắc chắn khác mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hiện không biết đến, hoặc cho là không quan trọng, cũng có thể ảnh hưởng bất lợi đến việc đầu tư vào Trái Phiếu.

Việc một hoặc nhiều sự kiện nêu dưới đây xảy ra có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến tình hình kinh doanh, tài chính hoặc kết quả hoạt động của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt (BVB), và có thể ảnh hưởng đến khả năng thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu. Những vấn đề cần quan tâm và những khả năng không chắc chắn khác mà BVB hiện không biết đến hoặc cho là không quan trọng cũng có thể gây ra ảnh hưởng bất lợi đến việc đầu tư vào Trái Phiếu.

Trong quá trình tiến hành hoạt động kinh doanh, BVB phải chịu nhiều rủi ro khác nhau, trong đó các rủi ro cơ bản là rủi ro về kinh tế, rủi ro về luật pháp, rủi ro về ngành và các rủi ro khác. Mặc dù, BVB tin rằng đã thực hiện các chính sách, quy trình phù hợp để kiểm soát và giảm thiểu rủi ro, các nhà đầu tư cần lưu ý rằng khả năng không thể kiểm soát một cách hợp lý những rủi ro này có thể lớn hơn so với dự tính và có thể gây ra những ảnh hưởng bất lợi đối với tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, triển vọng và danh tiếng của BVB.

1. Rủi ro kinh tế

a. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất bao gồm rủi ro lãi suất Sổ ngân hàng và rủi ro lãi suất Sổ kinh doanh. Rủi ro lãi suất Sổ ngân hàng là khả năng xảy ra tổn thất đối với thu nhập ròng từ lãi và giá trị kinh tế vốn của BVB do sự biến động bất lợi của lãi suất. Trong khi đó, rủi ro lãi suất Sổ kinh doanh là khả năng xảy ra tổn thất đối với danh mục kinh doanh của BVB do sự biến động bất lợi của lãi suất, ảnh hưởng đến giá trị danh mục.

- Đối với rủi ro lãi suất Sổ ngân hàng: tổn thất có thể xảy ra do sự chênh lệch về giá trị giữa tài sản có nhạy cảm lãi suất và tài sản nợ nhạy cảm lãi suất theo từng kỳ hạn và do sự chênh lệch giữa thời lượng bình quân của tổng tài sản có và tổng tài sản nợ. Khi lãi suất thị trường biến động, tùy thuộc vào trạng thái khe hở tài sản nhạy cảm lãi suất và khe hở thời lượng, thu nhập ròng từ lãi và giá trị kinh tế vốn của BVB có thể sẽ bị ảnh hưởng.
- Đối với rủi ro lãi suất Sổ kinh doanh: tổn thất có thể xảy ra do sự chênh lệch giữa giá trị thị trường và giá trị mua vào của danh mục kinh doanh. Khi lãi suất thị trường biến động

bất lợi, tùy thuộc vào tính chất của danh mục, chênh lệch này có thể sẽ biến động và gây tổn thất cho BVB.

- Rủi ro lãi suất được BVB đánh giá, đo lường và giám sát dựa trên tình hình hoạt động kinh doanh của BVB, các nhận định về diễn biến, biến động lãi suất trên thị trường luôn đảm bảo tuân thủ giới hạn rủi ro của BVB và các quyết định, định hướng của Ủy ban ALCO liên quan đến quản lý rủi ro lãi suất cũng như việc đưa ra các mức lãi suất phù hợp với hoạt động của Ngân hàng.

b. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng (RRTD) là rủi ro do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với BVB. Trong đó, khách hàng (bao gồm cả tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) có quan hệ với BVB trong việc nhận cấp tín dụng (bao gồm cả nhận cấp tín dụng thông qua ủy thác), nhận tiền gửi, phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

Quản lý RRTD được thực hiện thông qua việc quản lý các chỉ tiêu đối với quản lý RRTD như sau: tỷ lệ nợ xấu mục tiêu, tỷ lệ cấp tín dụng mục tiêu theo đối tượng khách hàng, ngành nghề, lĩnh vực kinh tế dựa trên một số nguyên tắc quản lý RRTD

Ngân hàng đang từng bước triển khai áp dụng phù hợp các biện pháp giảm thiểu rủi ro, tối thiểu một trong các nội dung sau: chấp nhận một số loại TSBĐ cụ thể, thỏa thuận khách hàng bù trừ số dư nội bảng, chấp nhận bảo lãnh cấp tín dụng của bên thứ ba, ký hợp đồng phái sinh tín dụng, hợp đồng bảo hiểm tín dụng thẩm quyền phê duyệt chấp nhận các biện pháp giảm thiểu rủi ro trên áp dụng theo quy định trong từng thời kỳ.

Cùng với các văn bản phân tách rõ chức năng, nhiệm vụ giữa bộ phận thẩm định và phê duyệt quyết định tín dụng và tuyệt đối tuân thủ các hạn mức RRTD do BVB ban hành trong từng thời kỳ.

Sử dụng các doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm độc lập được sử dụng khi tính tỷ lệ an toàn vốn có uy tín là Moody's hoặc Standard & Poor hoặc Fitch Rating và các doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm độc lập theo quy định của pháp luật Việt Nam để xác định mức độ rủi ro của khách hàng, đối tác, khoản phải đòi khi tính tỷ lệ an toàn vốn.

c. Rủi ro ngoại hối

Rủi ro ngoại hối (hay rủi ro tiền tệ) là rủi ro biến động bất lợi của tỷ giá trên thị trường khi ngân hàng có trạng thái ngoại tệ. Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính của Ngân hàng là VND. Trong khi đó cơ cấu tài sản – nguồn vốn của Ngân hàng bao gồm một phần bằng ngoại tệ (bao gồm USD, EUR và các ngoại tệ khác) do đó có thể phát sinh rủi ro tiền tệ.

Trong hoạt động huy động vốn và cho vay bằng ngoại tệ: BVB thực hiện đo lường, phân tích và dự báo các luồng tiền ngoại tệ vào/ra trong hệ thống làm cơ sở thiết lập kế hoạch vốn kinh

doanh theo từng loại tiền tệ, theo đó dư nợ cho vay ngoại tệ của Ngân hàng được tài trợ tối đa bởi nguồn vốn huy động ngoại tệ cùng đồng tiền. Lượng nguồn ngoại tệ dư thừa/ thiếu hụt tạm thời (nếu phát sinh) được đầu tư hoặc hoán đổi ngoại tệ trên thị trường liên ngân hàng để tăng hiệu quả sử dụng vốn đồng thời giảm thiểu rủi ro ngoại hối.

d. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản có thể bắt nguồn từ việc BVB không thể lường trước và dự phòng đầy đủ những giảm sút về nguồn vốn, từ đó có thể dẫn tới những ảnh hưởng bất lợi đến khả năng đáp ứng của BVB đối với các nghĩa vụ thanh toán đến hạn.

Thời gian qua, bên cạnh việc tiếp tục tạo dựng uy tín đối với các khách hàng tiền gửi lớn/ truyền thống, BVB đã tích cực chú trọng gia tăng huy động vốn từ các khách hàng mới, theo đó, số dư huy động vốn tăng trưởng đều qua các năm. Đồng thời BVB tiếp tục duy trì khối lượng tài sản có tính lỏng cao nhằm đảm bảo khả năng chi trả trong các điều kiện bình thường, bất thường, tuân thủ đúng các tỷ lệ về đảm bảo an toàn thanh khoản theo quy định của NHNN.

Bên cạnh đó, BVB đã xây dựng hệ thống cảnh báo rủi ro thanh khoản phù hợp với thông lệ, xây dựng văn bản quy định về hoạt động quản lý thanh khoản, trong đó xác định rõ các công cụ quản lý thanh khoản, trách nhiệm của từng đơn vị thực hiện, biện pháp xử lý, khắc phục trong trường hợp rủi ro thanh khoản xảy ra.

BVB luôn đảm bảo duy trì tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định hiện hành về dự trữ bắt buộc, đồng thời đảm bảo tuân thủ các tỷ lệ khả năng chi trả, tỷ lệ dự trữ thanh khoản, nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung hạn và dài hạn, tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi và các giới hạn về tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

e. Rủi ro hoạt động ngoại bảng

Hoạt động ngoại bảng của ngân hàng là các nghiệp vụ kinh doanh được phản ánh trên mục “Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán” của ngân hàng như bảo lãnh, thư tín dụng... Rủi ro của hoạt động này phát sinh khi khách hàng mất khả năng thanh toán cho người thụ hưởng, khi đó ngân hàng sẽ phải thay khách hàng thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết và các nghĩa vụ này sẽ được hạch toán như các khoản tín dụng nội bảng.

Để phòng ngừa và hạn chế các rủi ro này, BVB đã ban hành quy định cụ thể đối với các nghiệp vụ như bảo lãnh, cam kết bảo lãnh, thư tín dụng..., trong đó:

- Đối với nghiệp vụ bảo lãnh: BVB đã ban hành Quy chế bảo lãnh đối với khách hàng, trong đó: Quy định rõ các điều kiện cấp bảo lãnh, quản lý, thẩm định, xét duyệt cấp bảo lãnh, thẩm quyền ký hợp đồng cấp bảo lãnh, cam kết bảo lãnh, biện pháp bảo đảm; Đồng thời, quy định về trình tự, thủ tục và thẩm quyền phê duyệt cấp bảo lãnh được thực hiện chặt chẽ như một khoản vay (áp dụng quy trình như phê duyệt cho vay).

- Đối với nghiệp vụ phát hành thư tín dụng: Quy trình, thủ tục, thẩm quyền cấp tín dụng cũng được thực hiện tương tự như đối với khoản vay. Tuy nhiên, ngoài các nội dung yêu cầu thẩm định, đánh giá bắt buộc trong quy trình cấp tín dụng, đối với nghiệp vụ mở L/C, Bộ phận quan hệ khách hàng sẽ chuyển hồ sơ mở L/C cho Bộ phận Thanh toán quốc tế xem xét đánh giá sự phù hợp/không phù hợp về mặt thông lệ quốc tế. Trên cơ sở ý kiến của Bộ phận Thanh toán quốc tế, Bộ phận Quan hệ khách hàng lập đề xuất đảm bảo nguồn vốn thanh toán mở L/C. Tùy trường hợp cụ thể, báo cáo đề xuất của Bộ phận Quan hệ khách hàng sẽ tiếp tục được chuyển cho bộ phận quản lý rủi ro để tiến hành độc lập phân tích rà soát, đánh giá lại toàn bộ các rủi ro liên quan, xác định mức độ rủi ro tín dụng và đề xuất các biện pháp giảm thiểu rủi ro.

Ngoài ra, một phần hoặc toàn bộ các khoản mục ngoại bảng này đều có tài sản cầm cố, thế chấp (bất động sản, máy móc thiết bị, hàng hóa...) hoặc đảm bảo bằng giá trị ký quỹ với tỷ lệ tùy thuộc vào kết quả định hạng tín dụng và chính sách cấp tín dụng đối với khách hàng nhằm giảm thiểu các tổn thất do rủi ro gây ra.

2. Rủi ro luật pháp

Nền kinh tế Việt Nam đang trong quá trình tăng trưởng nhanh chóng. Tuy nhiên, khuôn khổ pháp luật và chính sách của Việt Nam vẫn chưa đồng bộ và ổn định như các nền kinh tế đã phát triển. Thêm vào đó, sự thay đổi trong chính sách hay trong cách hiểu và vận dụng pháp luật có thể dẫn đến những hậu quả không mong đợi mà có thể gây ảnh hưởng bất lợi đáng kể đối với các doanh nghiệp trong nước.

Khung pháp lý và chính sách tác động đến nền kinh tế và điều chỉnh các hoạt động kinh doanh và thương mại đã và đang được triển khai kể từ thời điểm bắt đầu chính sách “Đổi Mới” vào năm 1986 và hiện nay vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện. Trong những năm gần đây, mặc dù các văn bản pháp luật của Việt Nam đã được soạn thảo công phu, minh bạch hơn để các nhà đầu tư dễ tiếp cận, nhưng sự không rõ ràng của một số quy định trong các văn bản luật như Bộ Luật Dân Sự, Luật Thương Mại, Luật Chứng Khoán, Luật Đầu Tư và Luật Doanh Nghiệp và sự lệ thuộc của các luật này vào các văn bản hướng dẫn thi hành của Chính phủ và các Bộ vẫn ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp.

NHNN quản lý hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại và có khả năng tác động đến thị trường tài chính và ngân hàng nói chung. Bản chất và ảnh hưởng của các thay đổi chính sách pháp luật, quy định và pháp lý trong tương lai là không thể dự đoán trước và nằm ngoài tầm kiểm soát của BVB và các thay đổi chính sách pháp luật, quy định và pháp lý này có thể ảnh hưởng bất lợi đến điều kiện tài chính và kết quả hoạt động của BVB.

Để hạn chế rủi ro này, BVB đã triển khai mạnh mẽ công tác pháp chế trên toàn hệ thống. Việc tham gia câu lạc bộ Pháp chế của Hiệp Hội Ngân hàng Nhà nước TPHCM đã tạo điều kiện cho BVB nắm trước được các quy định sắp ban hành, góp ý được các dự thảo quy định pháp luật chuẩn bị ban hành. Đồng thời, công tác điểm tin pháp luật được chú trọng, việc cùng cố

hệ thống văn bản pháp lý nội bộ luôn được thực hiện nhằm đảm bảo hoạt động của Ngân hàng luôn phù hợp với quy định pháp luật.

3. Rủi ro ngành

BVB hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực/ ngành ngân hàng tại Việt Nam còn chịu sự tác động và rủi ro từ áp lực cạnh tranh giữa các ngân hàng cùng ngành. Là một quốc gia có nền kinh tế mở và tốc độ tăng trưởng cao, Việt Nam đã và đang ngày càng chủ động và đẩy mạnh quá trình toàn cầu hóa, hội nhập sâu rộng với khu vực và thế giới. Điều này đồng nghĩa với việc Việt Nam sẽ mở rộng hơn nữa các quan hệ hợp tác quốc tế, cũng như tham gia nhiều hơn vào các thị trường, khu vực thương mại tự do với các đối tác kinh tế, thương mại quan trọng. Do vậy, sự cạnh tranh trong ngành ngân hàng sẽ ngày càng gia tăng mạnh mẽ. Các ngân hàng nói chung và BVB nói riêng, bên cạnh các cơ hội và thuận lợi, sẽ phải đối mặt với không ít rủi ro, thách thức và sự cạnh tranh khốc liệt trong môi trường kinh doanh toàn cầu.

4. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro trình bày ở trên, BVB còn có thể phải chịu các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố... nếu xảy ra sẽ ít nhiều tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của BVB.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Tổ chức phát hành: Ngân hàng TMCP Bản Việt

- Ông Lê Anh Tài Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Ngô Quang Trung Chức vụ: Tổng giám đốc
- Bà Phan Thị Hồng Lan Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát
- Ông Lý Công Nha Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Cáo Bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

Tổ chức tư vấn: Công ty TNHH Chứng khoán ACB

- Ông Nguyễn Đức Hoàn Chức vụ: Tổng Giám đốc

(Theo giấy ủy quyền số 06/GUQ.22 ngày 11/08/2022 của Chủ tịch HĐQT)

Bản Cáo Bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng do Công ty TNHH Chứng khoán ACB tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn số 07/HDDV.21 ngày 26/10/2021 với Ngân hàng TMCP Bản Việt (và các phụ lục đính kèm). Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá, lựa chọn ngôn từ trong Bản Cáo Bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu Ngân hàng TMCP Bản Việt cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

1. Các khái niệm

Các thuật ngữ và/hoặc các cụm từ viết hoa sử dụng, trình bày trong Bản cáo bạch này sẽ có ý nghĩa như sau:

- "Ngân hàng": là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt
- "Nợ quá hạn": là khoản nợ mà một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi đã quá hạn.
- "Trái Phiếu" có nghĩa là Trái phiếu do Ngân hàng TMCP Bản Việt chào bán ra công chúng năm 2021 - 2022 theo 5 đợt và được gọi chung là Trái Phiếu.

Mã Trái Phiếu sẽ được VSD cấp theo quy định hiện hành sau khi BVB hoàn tất đợt chào bán và thực hiện các thủ tục đăng ký lưu ký tập trung tại VSD.


- "Ngày Phát Hành" có nghĩa là ngày kết thúc việc thu tiền chào bán Trái Phiếu theo công bố của Tổ chức phát hành.
- "Ngày Đáo Hạn" có nghĩa là ngày tròn 7 (bảy) năm kể từ Ngày Phát Hành.
- "Kỳ Tính Lãi" có nghĩa là khoảng thời gian để xác định lại lãi suất của Trái Phiếu, định kỳ 01 (một) năm một lần kể từ Ngày Phát Hành.
- "Ngày Thanh Toán Lãi" có nghĩa là mỗi ngày tròn năm kể từ Ngày Phát Hành cho đến khi kết thúc Kỳ Hạn Trái Phiếu.
- "Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại" có nghĩa là ngày tròn 18 (mười tám) tháng kể từ ngày phát hành. Tổ chức phát hành có thể mua lại trước hạn tối đa 100% khối lượng Trái phiếu đã phát hành kể từ Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc tại ngày mua lại khác phù hợp với điều kiện, điều khoản trái phiếu.
- "Ngày đăng ký cuối cùng" hoặc "Ngày chốt danh sách" có nghĩa là ngày làm việc theo thông báo của VSD để thực hiện quyền cho người sở hữu trái phiếu theo quy định tại Quy chế về thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán do VSD ban hành.
- "Người Sở Hữu Trái Phiếu" hoặc "Nhà đầu tư" là người mua, hoặc nhận chuyển quyền sở hữu, hoặc bằng cách khác đối với trái phiếu và trở thành chủ sở hữu trái phiếu, đã được đăng ký và có tên trong danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu do Tổ Chức Phát Hành quản

- HS Hội sở
- VSD Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam
(hay còn được gọi là Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam)
- SGDCK Sở Giao dịch Chứng Khoán
- BCTC Báo cáo tài chính
- LNNT Lợi nhuận trước thuế
- LNST Lợi nhuận sau thuế

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Thông tin chung về Tổ chức niêm yết

- Tên Công ty: **NGÂN HÀNG TMCP BẢN VIỆT**
- Tên Tiếng Anh: **VIET CAPITAL COMMERCIAL JOINT STOCK BANK**
- Tên viết tắt: **NGÂN HÀNG BẢN VIỆT**
- Trụ sở: Tòa nhà HM Town số 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 05, Quận 03, TP. HCM, Việt Nam
- Điện thoại: (028) 62679679
- Fax: (028) 62638668
- Website: www.vietcapitalbank.com.vn
- Giấy chứng nhận ĐKKD: 0301378892 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/10/1992, thay đổi lần thứ 28 ngày 12/05/2021
- Giấy phép hoạt động 0025/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 22 tháng 08 năm 1992
- Vốn điều lệ đăng ký: 3.670.900.000.000 đồng (Ba nghìn, sáu trăm bảy mươi tỷ, chín trăm triệu đồng chẵn)
- Vốn điều lệ thực góp: 3.670.900.000.000 đồng (Ba nghìn, sáu trăm bảy mươi tỷ, chín trăm triệu đồng chẵn)
- Logo:


Ngân hàng Bản Việt
- Người đại diện theo pháp luật : Ngô Quang Trung – Tổng Giám đốc
- Mã cổ phiếu: BVB
- Sàn đăng ký giao dịch: UPCOM
- Ngành nghề kinh doanh:
 - Huy động vốn ngắn hạn, trung hạn, dài hạn dưới các hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi;
 - Tiếp nhận vốn đầu tư và phát triển, vay vốn các tổ chức tín dụng khác;

- Cho vay ngắn hạn, trung và dài hạn; hoạt động bao thanh toán; bảo lãnh ngân hàng;
- Chiết khấu thương phiếu, Trái phiếu và giấy tờ có giá;
- Làm dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng; kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc, thanh toán quốc tế, huy động các loại vốn từ nước ngoài và các dịch vụ ngân hàng khác trong quan hệ với nước ngoài khi được NHNN cho phép;
- Dịch vụ cầm đồ;
- Phát hành thẻ tín dụng, thẻ ngân hàng;
- Mua, bán Trái phiếu Chính phủ; mua bán Trái phiếu doanh nghiệp với mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch và mục đích đầu tư theo quy định của pháp luật có liên quan và hướng dẫn của NHNN;
- Ủy thác, nhận ủy thác cho vay;
- Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư theo quy định của pháp luật có liên quan;
- Cung cấp dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;
- Dịch vụ môi giới tiền tệ;
- Góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng khác và của doanh nghiệp;
- Hoạt động mua nợ;
- Cấp tín dụng dưới hình thức bao thanh toán trong nước;
- Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng;
- Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước:
- ✓ Cung ứng phương tiện thanh toán;
- ✓ Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.
- Mở tài khoản:
- ✓ Mở tài khoản tại Ngân hàng nhà nước.
- ✓ Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
- Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia;
- Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, Trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ;

- Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, Trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước;
- Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quy định.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt (dưới đây được gọi là Ngân hàng Bản Việt), tiền thân là Ngân hàng thương mại cổ phần Gia Định, được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 0025/NH-GP ngày 22/08/1992 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp và giấy phép số 576/GP-UB ngày 08/10/1992 do Ủy Ban Nhân Dân TP HCM cấp, với mức vốn điều lệ ban đầu là 5 tỷ đồng.

• Năm 1994 - 2005: Giai đoạn vượt qua khó khăn, củng cố

- ✓ BVB từng bước vượt qua khó khăn, dần ổn định và phát triển trong giai đoạn từ 1994-2005.
- ✓ Năng lực tài chính ngày càng được nâng cao với mức vốn điều lệ tăng lên 80 tỷ đồng từ tháng 08/2005.
- ✓ Mạng lưới: 05 điểm giao dịch (01 Trụ sở chính, 02 Chi nhánh, 02 Phòng giao dịch).

• Năm 2006: Bắt đầu phát triển

- ✓ Tăng vốn điều lệ lên 210 tỷ đồng.
- ✓ Mạng lưới: 06 điểm giao dịch (01 Trụ sở chính, 02 Chi nhánh, 03 Phòng giao dịch).
- ✓ Khánh thành trụ sở chính tại 135 Phan Đăng Lưu, Q. Phú Nhuận, TP.HCM.
- ✓ Được xếp hạng 19/29 Ngân hàng thương mại trên cả nước về mức độ sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin do Hội Tin học Việt Nam bầu chọn.

• Năm 2007: Tiếp tục phát triển có định hướng

- ✓ Tháng 12/2007: tăng vốn điều lệ lên 444,623 tỷ đồng.
- ✓ Mạng lưới: 11 điểm giao dịch (01 Trụ sở chính, 05 Chi nhánh, 05 Phòng giao dịch).
- ✓ Ký kết Thỏa thuận đầu tư và hợp tác chiến lược với Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), theo đó Vietcombank luôn duy trì tỷ lệ sở hữu vốn cổ phần 30%

và trở thành cổ đông chiến lược duy nhất của Ngân hàng Bản Việt, cùng những cam kết hỗ trợ toàn diện nhằm đưa Ngân hàng Bản Việt trở thành ngân hàng thương mại có khả năng cạnh tranh cao tại Việt Nam.

- ✓ Mở rộng mạng lưới hoạt động tại các thành phố lớn của các khu vực Miền Bắc, Miền Nam, Miền Tây và Tây Nguyên.
- ✓ Được Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, Liên minh các HTX Việt Nam, Hội Khoa học Đông Nam Á phối hợp với mặt trận tổ quốc Việt Nam trao tặng “Cúp vàng thương hiệu và nhãn hiệu” lần 2 năm 2007.
- ✓ Được Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam tặng giấy khen năm 2007.
- ✓ Được Viện quản lý tri thức và công nghệ, Trung tâm nghiên cứu Châu Á Thái Bình Dương, Tòa soạn thông tin QCA Thương mại chứng nhận danh hiệu doanh nghiệp Việt Nam uy tín, chất lượng 2007.

• **Năm 2008 -2009: Duy trì tăng trưởng ổn định**

- ✓ Ngày 14/2/2008, Ngân hàng đã tăng vốn điều lệ từ 444,623 tỷ đồng lên 500 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 số 059036 ngày 14/2/2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Giấy chứng nhận chấp thuận của Ủy ban chứng khoán Nhà nước số 218/UBCK-GCN ngày 20/11/2007 và Công văn chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh số 1201/NHNN-HCM02 ngày 9/8/2007.
- ✓ Ngày 18/12/2008, Ngân hàng đã tăng vốn điều lệ từ 500 tỷ đồng lên 1.000 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 số 059036 ngày 30/12/2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Giấy chứng nhận chấp thuận của Ủy ban chứng khoán Nhà nước số 352/UBCK-GCN ngày 07/11/2008 và Công văn chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh số 1774/NHNN-HCM02 ngày 06/10/2008.
- ✓ Mạng lưới hoạt động ngày càng mở rộng từ 05 điểm giao dịch năm 2005 (01 Trụ sở, 02 Chi nhánh, 02 Phòng giao dịch) lên 28 điểm giao dịch năm 2009 (01 Trụ sở, 07 Chi nhánh, 20 Phòng giao dịch).

• **Năm 2010: Ổn định nhân sự và phát huy các thế mạnh**

- ✓ Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định của Chính phủ, BVB đã hoàn thành mức vốn điều lệ 2.000 tỷ đồng vào tháng 11/2010 với sự tham gia góp vốn của các cổ đông mới.
- ✓ Đồng thời, trong năm 2010 Hội đồng quản trị BVB đã bổ nhiệm Tổng Giám đốc để ổn định hoạt động, và bầu bổ sung 02 thành viên HĐQT tiếp tục duy trì, tăng cường năng lực quản trị ngân hàng trong tình hình phát triển mới. Trên cơ sở đó, BVB cũng đã

thay đổi chức danh Chủ tịch HĐQT để thực hiện bước chuyển mình trong thời gian tới.

- ✓ Nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh với các tổ chức tài chính khác thông qua việc phát triển các sản phẩm tiết kiệm, cho vay, BVB cũng không ngừng thay đổi diện mạo tại các điểm giao dịch trên toàn quốc. BVB đã chuyển đổi thành công Trụ sở chính về Trung tâm Q.1, tiến hành mua bất động sản tại Trung tâm TP Buôn Ma Thuột để chuyển địa điểm trụ sở Chi nhánh Buôn Ma Thuột, chuyển địa điểm trụ sở chi nhánh Bạch Đằng, chi nhánh Sài Gòn. Đồng thời sửa chữa và đưa vào hoạt động cho các Phòng giao dịch có vị trí thuận lợi. Kết quả thu được là các đơn vị không ngừng gia tăng hoạt động và hoàn thành tốt các chỉ tiêu được giao.

• **Năm 2011: Hoàn thành các bước phát triển cơ bản, nâng cao năng lực cạnh tranh**

- ✓ Hoàn tất kế hoạch tăng vốn điều lệ từ 2.000 tỷ đồng lên 3.000 tỷ đồng trong Quý 3, và tiếp tục tăng vốn lên theo quy định của NHNN. Ngân hàng chú trọng công tác đầu tư, phát triển mạng lưới, tăng thêm 25-30 điểm giao dịch mới tại các thị trường tiềm năng trong cả nước, nâng tổng số điểm giao dịch lên 60 điểm năm 2011.
- ✓ Bên cạnh đó, từng bước chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ, chú trọng đến công tác phòng ngừa và quản lý rủi ro. Phát triển đa dạng hóa các sản phẩm tín dụng, không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng ngày một tốt hơn các nhu cầu và lợi ích của khách hàng, phấn đấu trở thành “Ngân hàng tin cậy cho kế hoạch tài chính của khách hàng”, và là một điểm đầu tư hấp dẫn cho quý cổ đông, đối tác. Xây dựng một đội ngũ lãnh đạo ngân hàng với đầy đủ phẩm chất đạo đức và trí tuệ, để chuẩn bị các bước phát triển mới trong tương lai.
- ✓ Nâng cao công tác phát triển nguồn nhân lực, đào tạo lại và đào tạo chuyên sâu cho toàn thể cán bộ nhân viên, đáp ứng yêu cầu phát triển mạng lưới trong năm tới nói riêng và yêu cầu phát triển và hội nhập sâu vào kinh tế thế giới. Xác định rõ mục tiêu chiến lược trong năm 2011, xây dựng các giải pháp, chuẩn bị các bước đi an toàn, vững chắc, thương hiệu BVB sẽ được nâng lên một tầm cao mới, bảo vệ và gia tăng lợi ích cho quý cổ đông, đối tác và khách hàng. Đồng thời góp phần cho sự phát triển kinh tế của đất nước.
- ✓ Ngày 13/12/2011, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Gia Định được đổi tên thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt theo Quyết định số 2665/QĐ-NHNN ngày 13/12/2011 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

• **Năm 2012 - 2013**

- ✓ Mạng lưới hoạt động tiếp tục phát triển mạnh với 39 điểm giao dịch mới, gồm: 01 Trụ sở chính, 17 Chi nhánh, 20 Phòng giao dịch và 01 Quỹ tiết kiệm.
- ✓ Tổng số nhân viên là 923 nhân sự.

- ✓ Năm 2013 là năm đánh dấu những bước phát triển mạnh mẽ của BVB. Điển hình như sự vận hành thành công của hệ thống Core Banking mang đến nhiều tính năng ưu việt cho hệ điều hành quản trị và tăng cường năng lực cạnh tranh trong thời đại công nghệ, ngân hàng trực tuyến mở rộng với dự án Mobile Banking; sự gia nhập liên minh Thẻ quốc tế Visa, MasterCard ...
- ✓ Tiêu biểu: Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và Top 200 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam do Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) phối hợp cùng Báo VietNamNet bình chọn.
- **Năm 2014 - 2015**
 - ✓ Mạng lưới hoạt động tiếp tục được tập trung nâng cấp toàn hệ thống với 09 Chi nhánh, Phòng giao dịch được di dời và chuẩn hóa kiến trúc, 02 Chi nhánh, Phòng giao dịch thay đổi tên gọi.
 - ✓ Tổng số nhân viên nâng lên 1.221 nhân sự tính đến thời điểm cuối năm 2015.
 - ✓ Ngân hàng tập trung đẩy mạnh các hoạt động về quản trị hệ thống, tổ chức đội ngũ nhân sự mới. Song song đó, Ngân hàng cũng đầu tư sâu vào Công nghệ Thông tin và đẩy mạnh công tác quản trị rủi ro và kiểm soát tuân thủ.
 - ✓ Tiêu biểu:
 - Ra mắt ứng dụng Viet Capital Mobile Banking.
 - Ký thoả thuận hợp tác phát triển giải pháp Phòng chống rửa tiền cùng Công ty Cổ phần Komtek và FircoSoft.
- **Năm 2016 – 2018**

Triển khai chiến lược hoạt động giai đoạn 2016 – 2020, trở thành Ngân hàng bán lẻ đa năng, hiện đại hướng đến khách hàng Cá nhân và khách hàng Doanh nghiệp vừa và nhỏ

 - ✓ Vốn điều lệ: 3.000 tỷ đồng.
 - ✓ Hợp tác với tổ chức thẻ tín dụng quốc tế Visa, ra mắt thẻ Visa Bản Việt công nghệ 3D.
 - ✓ Hợp tác cùng KPMG thực hiện hệ thống Phê duyệt và Khởi tạo tín dụng (LOS)
 - ✓ Là một trong 10 ngân hàng đầu tiên đạt chứng chỉ quốc tế về bảo mật thẻ PCI- DSS (Payment Card Industry Data Security Standard).
 - ✓ Xây dựng mới Ngân hàng số: Mobile Banking và Internet Banking KHCN và KHDN, Tích hợp Smart OTP, mở tài khoản online.
 - ✓ Mở rộng hệ sinh thái với các đối tác Fintech: Zalo Pay, AirPay, GrabPay by Moca, ...
 - ✓ Hợp tác bảo hiểm phi nhân thọ cùng Bảo hiểm Bảo Long và bảo hiểm nhân thọ cùng AIA Việt Nam.
 - ✓ Phát triển nhanh hệ thống mạng lưới: 70 điểm giao dịch bao gồm 1 trụ sở chính, 25 chi nhánh, 44 phòng giao dịch (Tính đến cuối năm 2018).

• **Năm 2019 - 2020**

- ✓ Vốn điều lệ: 3.171 tỷ đồng.
- ✓ Hợp tác với tổ chức phát hành thẻ quốc tế JCB ra mắt bộ 3 thẻ tín dụng JCB Bản Việt và tiếp tục ra mắt thẻ tín dụng Visa Corporate Bản Việt dành cho khách hàng doanh nghiệp.
- ✓ Tiếp tục mở rộng hợp tác với các đối tác Fintech: Momo, ZaloPay, Moca, QR Pay, AirPay, thu hộ Payoo.
- ✓ Là ngân hàng tiên phong trong việc triển khai mở tài khoản thanh toán bằng thiết bị di động eKYC.
- ✓ Trở thành đối tác chiến lược cung cấp nền tảng cho ngân hàng số Timo Plus.
- ✓ Ngân hàng thứ 12 được triển khai sớm tỷ lệ an toàn vốn Basel II.
- ✓ Chính thức lên sàn chứng khoán UPCoM (mã chứng khoán: BVB) vào tháng 09/2020.
- ✓ Chính thức sạch nợ xấu tại VAMC.
- ✓ **Hệ thống mạng lưới:** 87 điểm giao dịch bao gồm 1 trụ sở chính, 30 chi nhánh, 56 phòng giao dịch.

• **Năm 2021**

- ✓ Vốn điều lệ: 3.670,9 tỷ đồng.
- ✓ Ngân hàng đã hoàn thành các dự án trọng điểm phục vụ cho việc quản trị chất lượng và hiệu quả hoạt động như dự án phân tích lợi nhuận đa chiều, lợi nhuận điều chỉnh rủi ro trên vốn RAROC.
- ✓ Ngân hàng cũng bắt đầu triển khai các dự án hiện đại hóa và nâng cao minh bạch theo chuẩn mực quốc tế như dự án Chuẩn mực báo cáo tài chính IFRS9, hệ thống Quản lý quan hệ khách hàng CRM trên nền điện toán đám mây.
- ✓ Cuối năm 2021, Ngân hàng Bản Việt triển khai thành công dự án “Mô hình phân tích lợi nhuận đa chiều” – đây là một công cụ tài chính để ghi nhận doanh thu và phân bổ chi phí, tổng hợp chuỗi giá trị theo từng chiều phân tích. Kết quả của việc triển khai mô hình này, Ngân hàng Bản Việt sẽ có thêm công cụ để hỗ trợ việc thực hiện các quyết định kinh doanh chiến lược liên quan đến doanh thu, chi phí, thúc đẩy lợi nhuận.
- ✓ Bản Việt là một trong các ngân hàng đưa vào các tính năng giao dịch mới phục vụ khách hàng không cần phải đến ngân hàng như mở thẻ tín dụng online, chuyển và nhận tiền 24/7 bằng QR hoặc số điện thoại, vay cầm cố sổ tiết kiệm, nhiều hình thức gửi tiết kiệm để chọn lựa trên ngân hàng số Digimi.
- ✓ Hệ thống mạng lưới: 88 điểm giao dịch trên toàn quốc, bao gồm 01 Trụ sở chính, 31 chi nhánh và 56 phòng giao dịch.

3. Quá trình tăng vốn điều lệ

Năm 1992, Ngân hàng đi vào hoạt động với mức vốn điều lệ là 5 tỷ đồng và trải qua nhiều đợt tăng vốn như sau:

Quá trình tăng vốn của Ngân hàng Bản Việt

ĐVT: triệu đồng

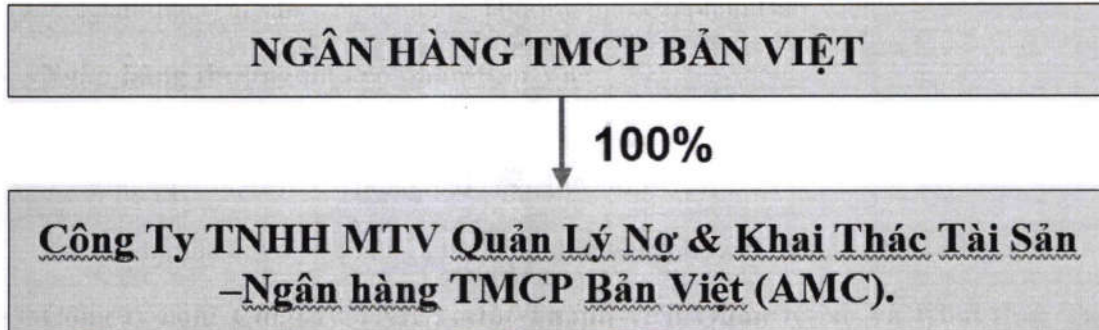
Thời gian	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Hình thức phát hành	Căn cứ pháp lý
Tháng 8/1992		5.000	Vốn ban đầu	- Giấy phép số 0025/NH-GP ngày 22/08/1992 của NHNN
Tháng 12/1993	5.000	20.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông trong nước	- Giấy ĐKKD số 059036, thay đổi lần thứ 2, ngày 28/12/1993 của Sở KHĐT TP. HCM
Tháng 8/2005	20.000	80.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông trong nước	- Giấy ĐKKD số 059036, thay đổi lần thứ 5, ngày 30/08/2005 của Sở KHĐT TP. HCM
Tháng 12/2006	80.000	166.040	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông trong nước	- Văn bản số 885/NHNN-HCM02 ngày 06/07/2006 của NHNN - Giấy ĐKKD số 059036, thay đổi lần thứ 7, ngày 12/12/2006 của Sở KHĐT TP. HCM
Tháng 12/2006	166.040	210.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông trong nước	- Văn bản số 1803/NHNN-HCM02 ngày 26/12/2006 của NHNN - Giấy ĐKKD số 059036, thay đổi lần thứ 8, ngày 27/12/2006 của Sở KHĐT TP. HCM
Tháng 7/2007	210.000	322.618	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông trong nước	- Văn bản số 599/NHNN-HCM02 ngày 25/04/2007 của NHNN - Giấy ĐKKD số 059036, thay đổi lần thứ 9, ngày 24/07/2007 của Sở KHĐT TP. HCM
Tháng 12/2007	322.618	444.623	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Văn bản số 1201/NHNN-HCM02 ngày 09/08/2007 của NHNN

Thời gian	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Hình thức phát hành	Căn cứ pháp lý
				<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận số 218/GCN-UBCK ngày 20/11/2007 của UBCKNN - Giấy ĐKKD số 059036, thay đổi lần thứ 10, ngày 25/12/2007 của Sở KHĐT TP. HCM
Tháng 2/2008	444.623	500.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản số 1201/NHNN-HCM02 ngày 09/08/2007 của NHNN - Giấy chứng nhận số 218/GCN-UBCK ngày 20/11/2007 của UBCKNN - Giấy ĐKKD số 059036, thay đổi lần thứ 11, ngày 14/02/2008 của Sở KHĐT TP. HCM
Tháng 12/2008	500.000	1.000.000	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành từ thặng dư vốn cổ phần	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản số 1668/NHNN-HCM.02 ngày 23/09/2008 và 1774/NHNN-HCM02 ngày 06/10/2008 của NHNN - Giấy chứng nhận số 352/GCN-UBCK ngày 07/11/2008 của UBCKNN - Giấy ĐKKD số 059036, thay đổi lần thứ 15, ngày 30/12/2008 của Sở KHĐT TP. HCM
Tháng 11/2010	1.000.000	2.000.000	Phát hành cổ phiếu thưởng và chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản số 6587/NHNN-HCM02 ngày 30/08/2010 của NHNN - Giấy chứng nhận số 660/GCN-UBCK ngày 06/09/2010 của UBCKNN - Giấy ĐKKD số 0301378892, thay đổi lần thứ 17, ngày 11/11/2010 của Sở KHĐT TP.

Thời gian	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Hình thức phát hành	Căn cứ pháp lý
				HCM
Tháng 8/2011	2.000.000	3.000.000	Phát hành cổ phiếu thưởng và chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản số 6587/NHNN-HCM02 ngày 30/08/2010 của NHNN - Giấy chứng nhận số 69/GCN-UBCK ngày 20/07/2011 của UBCKNN - Giấy ĐKKD số 0301378892, thay đổi lần thứ 19, ngày 25/08/2011 của Sở KHĐT TP. HCM
Tháng 4/2019	3.000.000	3.171.000	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản số 7449/NHNN-TTGSNH ngày 03/10/2018 của NHNN - Giấy chứng nhận số 69/GCN-UBCK ngày 14/11/2018 - Giấy ĐKKD số 0301378892, thay đổi lần thứ 27, ngày 25/04/2019 của Sở KHĐT TP. HCM
Tháng 5/2021	3.171.000	3.670.900	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cho người lao động (ESOP)	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản số 7706/NHNN-TTGSNH ngày 22/10/2020 của NHNN - Giấy chứng nhận số 306/GCN-UBCK ngày 17/12/2020 và văn bản số 354/UBCK-QLCB ngày 01/02/2021 của UBCKNN - Giấy ĐKKD số 0301378892, thay đổi lần thứ 28, ngày 12/05/2021 của Sở KHĐT TP. HCM

4. Cơ cấu tổ chức của tổ chức phát hành

4.1. Sơ đồ tổ chức, bộ máy hoạt động:



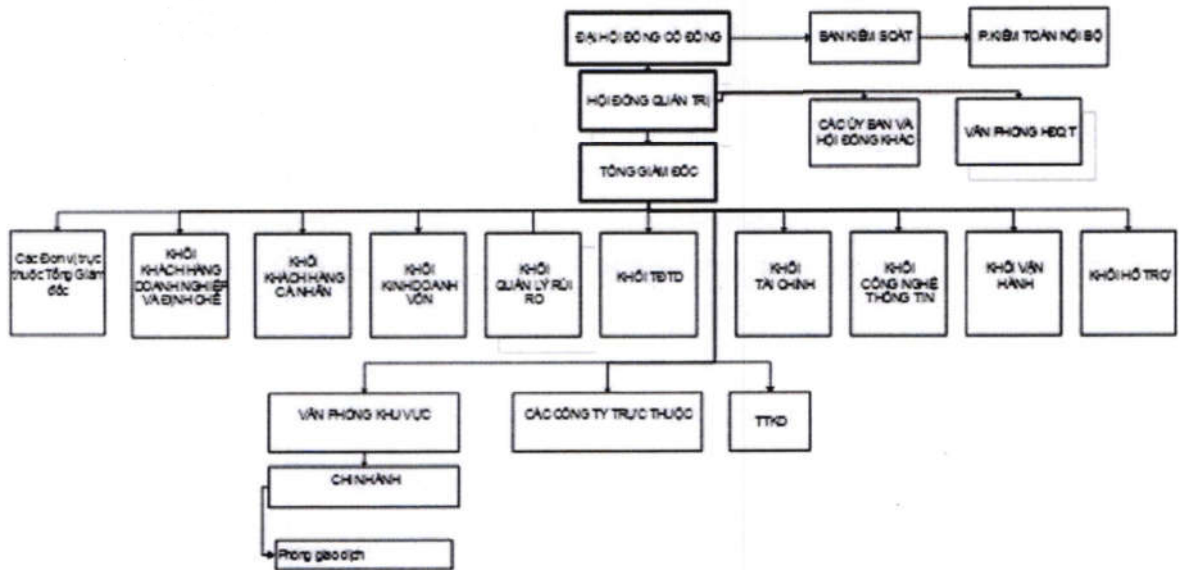
4.2. Diễn giải cơ cấu tổ chức của BVB

Ngân hàng TMCP Bản Việt hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, trong đó BVB là Công ty mẹ và có một (01) Công ty con là Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt.

- **Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt**
 - ✓ Trụ sở chính của Ngân hàng đặt tại Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
 - ✓ 28 chi nhánh và 51 phòng giao dịch trên toàn quốc.
- **Công ty con: Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt**

Tên công ty	Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ (tỷ đồng)
Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	0311401011	Quản lý tài sản	100

5. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành



5.1. Đại hội đồng cổ đông

Gồm tất cả các cổ đông, là cơ quan quyết định cao nhất của BVB. Đại hội đồng cổ đông họp định kỳ mỗi năm 01 lần, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ BVB như: thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng, v.v.

5.2. Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản trị hoạt động của BVB. Các thành viên HĐQT do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm. Thành viên HĐQT có nhiệm kỳ 05 năm. Đứng đầu HĐQT là Chủ tịch HĐQT. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Chủ tịch và các thành viên HĐQT thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ BVB và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT trong từng thời kỳ. HĐQT quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Ngân hàng trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ mà không được ủy quyền. HĐQT có nhiệm vụ quyết định chiến lược phát triển Ngân hàng, xây dựng các kế hoạch kinh doanh trình ĐHCĐ phê duyệt, đưa ra các biện pháp, các quyết định nhằm đạt được các mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Hiện tại HĐQT của BVB có 05 thành viên, trong đó có 01 thành viên độc lập HĐQT.

5.3. Văn phòng HĐQT

Là bộ phận giúp việc cho HĐQT, được HĐQT quyết định thành lập. Văn phòng HĐQT có nhiệm vụ tư vấn, tham mưu, giúp việc cho HĐQT thực hiện hoạt động quản trị BVB, là cầu nối truyền tải thông tin giữa HĐQT và Ban điều hành; giữa HĐQT và cổ đông và ngược lại. Chức năng, nhiệm vụ cụ thể của Văn phòng HĐQT được HĐQT quy định trong quy chế hoạt động.

5.4. Ban Kiểm soát

Là cơ quan kiểm soát mọi hoạt động của BVB. Các thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm. Thành viên BKS có nhiệm kỳ 05 năm. Đứng đầu Ban kiểm soát là Trưởng Ban kiểm soát. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định pháp luật, Điều lệ và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát BVB trong từng thời kỳ. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra hoạt động tài chính của Ngân hàng; giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, kế toán; hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm toán nội bộ của Ngân hàng; thẩm định báo cáo tài chính hàng năm; báo cáo cho ĐHĐCĐ tính chính xác, trung thực, hợp pháp về báo cáo tài chính của Ngân hàng. Hiện tại, BKS của BVB có 03 thành viên, trong đó có 02 thành viên chuyên trách.

5.5. Phòng kiểm toán nội bộ

Phòng kiểm toán nội bộ là đơn vị trực thuộc Ban kiểm soát, thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo Quy chế hoạt động Kiểm toán nội bộ BVB.

5.6. Ủy ban ALCO, Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Quản lý rủi ro, các Ủy ban và Hội đồng khác

Các Ủy ban ALCO, Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Quản lý rủi ro, các Ủy ban và Hội đồng khác do HĐQT thành lập, được tổ chức và hoạt động theo Quy chế do HĐQT ban hành.

5.7. Ban Điều hành

Tổng Giám đốc là người đứng đầu Ban điều hành, điều hành mọi hoạt động kinh doanh của BVB; giúp việc cho Tổng Giám đốc có các Phó Tổng Giám đốc, các Giám đốc Khối và Kế toán trưởng. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước pháp luật, ĐHĐCĐ và HĐQT về thực hiện công việc được giao. Chức năng, quyền hạn, trách nhiệm của Tổng Giám đốc tuân thủ theo Điều lệ và quy định của BVB như: quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày; tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT; tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Ngân hàng; kiến nghị, đề xuất việc tổ chức, quản trị và hoạt động Ngân hàng nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Ngân hàng trình HĐQT hoặc ĐHĐCĐ quyết định theo thẩm quyền; v.v. ...

5.8. Các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và/hoặc các thành viên khác do HĐQT quy định

Có trách nhiệm điều hành, tổ chức thực hiện các chức năng nhiệm vụ của Đơn vị nghiệp vụ được phân công phụ trách và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và HĐQT về mọi mặt hoạt động của Đơn vị nghiệp vụ (Khối) được Tổng Giám đốc phân công phụ trách. Hiện tại, Ban Tổng Giám đốc của BVB gồm có 04 thành viên.

5.9. Các Đơn vị nghiệp vụ BVB

Các Đơn vị nghiệp vụ được tổ chức, bố trí theo từng Khối do Phó Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc Khối phụ trách. Một số Đơn vị nghiệp vụ có thể do Tổng Giám đốc trực tiếp phụ trách. Đứng đầu Đơn vị nghiệp vụ thuộc Khối là Giám đốc.

5.9.1 Cơ cấu tổ chức tại Trụ sở chính

a. Khối Khách hàng Doanh nghiệp và Định chế

Là đầu mối quản lý quan hệ và cung cấp sản phẩm dịch vụ đến các Khách hàng pháp nhân, khách hàng cá nhân là chủ DNTN hoặc có liên quan đến Khách hàng pháp nhân theo Quy định của Tổng Giám Đốc trong từng thời kỳ nhằm phát triển thị trường và tăng thu nhập cho ngân hàng.

Là đầu mối quản lý quan hệ và cung cấp sản phẩm dịch vụ đến các khách hàng định chế nhằm phát triển thị trường và tăng thu nhập cho ngân hàng.

b. Khối Khách hàng Cá nhân

Là đầu mối quản lý và phát triển sản phẩm dịch vụ khách hàng cá nhân, trừ khách hàng cá nhân là chủ DNTN hoặc có liên quan đến Khách hàng Pháp nhân theo Quy định của Tổng Giám Đốc trong từng thời kỳ nhằm phát triển thị trường và tăng thu nhập cho ngân hàng.

c. Khối Kinh Doanh Vốn

Đảm bảo để BVB tuân thủ các hạn mức theo luật định về thanh khoản và quy định khác. Thay mặt ALCO quản lý khả năng thanh toán ngắn hạn và rủi ro lãi suất đối với mọi đồng tiền. Thực hiện kinh doanh nhằm đem lại lợi nhuận trong phạm vi các sản phẩm được giao và những hạn mức rủi ro được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Đầu mối quản lý và cung cấp sản phẩm dịch vụ ngoại hối đến các Đơn vị kinh doanh, khách hàng nhằm phát triển thị trường và gia tăng lợi nhuận cho ngân hàng.

Kinh doanh các loại giấy tờ có giá được phê duyệt nhằm mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận cho BVB.

d. Khối Quản lý Rủi ro

Tham mưu xây dựng hệ thống quản lý rủi ro liên quan đến hoạt động tín dụng, rủi ro vận hành thị trường để hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng với lợi ích cao nhất.

Là đơn vị kiểm soát các Đơn vị trên toàn hệ thống việc tuân thủ quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng trong quá trình hoạt động kinh doanh.

e. Khối Thẩm định Tín dụng

Đầu mối triển khai công tác thẩm định, phê duyệt cấp tín dụng đến khách hàng theo quy định của Tổng Giám Đốc trong từng thời kỳ, thực hiện công tác phê duyệt hồ sơ Khách

hàng vượt thẩm quyền phê duyệt của đơn vị kinh doanh trên nguyên tắc đảm bảo lợi ích của ngân hàng và chất lượng sản phẩm, dịch vụ cung cấp đến Khách hàng.

f. Khối Tài chính

Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện công tác kế toán cho toàn hệ thống trong quá trình xử lý các giao dịch.

Quản trị tài chính, quản lý tài sản nợ - tài sản có của BVB, đề xuất cơ cấu tài sản nợ - tài sản có phù hợp với khẩu vị rủi ro lãi suất, rủi ro thanh khoản và bám sát kế hoạch, chiến lược nhằm tối ưu hóa lợi nhuận. Cung cấp thông tin tài chính phục vụ công tác quản trị điều hành tại BVB.

g. Khối Công nghệ Thông tin

Đơn vị chịu trách nhiệm thiết kế, xây dựng và vận hành hệ thống hạ tầng, ứng dụng công nghệ thông tin của Ngân hàng.

Chịu trách nhiệm quản lý và giám sát các dự án CNTT, giám sát và làm đầu mối triển khai các biện pháp tăng cường an toàn bảo mật cho hệ thống CNTT; ban hành và giám sát việc tuân thủ các chính sách, quy định, quy trình do Khối CNTT soạn thảo và ban hành.

h. Khối Vận hành

Thực hiện tác nghiệp đối với các khoản cấp tín dụng. Ban hành quy định, quy trình quản lý tín dụng trên toàn hệ thống.

Thực hiện tác nghiệp các giao dịch kinh doanh của Khối Kinh doanh vốn và quản lý rủi ro vận hành trong quá trình xử lý các giao dịch.

Tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ chuyên tiền, thanh toán đến khách hàng và quản lý rủi ro vận hành trong quá trình tác nghiệp.

i. Khối Hỗ trợ

Đầu mối tham mưu cho cấp có thẩm quyền về công tác nhân sự và phát triển nguồn nhân lực trên toàn hệ thống.

Thực hiện, cung cấp các dịch vụ hành chính bao gồm văn thư, lưu trữ, hành chính, lễ tân, khánh tiết. Mua sắm, quản lý tài sản cố định, công cụ lao động, văn phòng phẩm và các vật liệu tiêu hao khác tới các phòng ban Hội Sở, Chi Nhánh, PGD trong hệ thống BVB theo quy định của ngân hàng. Xây dựng cơ bản, mua sắm, thuê, cho thuê BĐS, thực hiện các thủ tục pháp lý về xây dựng cơ bản, mua sắm bất động sản; Thực hiện các thủ tục pháp lý và báo cáo liên quan đến công tác phát triển mạng lưới của Ngân Hàng.

j. Các Đơn vị trực thuộc Tổng Giám đốc

Là các Phòng/Trung tâm trực thuộc Tổng Giám đốc bao gồm Phòng Quản lý dự án,

Trung tâm Ngân hàng số, Trung tâm Quản lý và thu hồi nợ và Phòng Truyền thông thương hiệu.

Chức năng, nhiệm vụ chính của từng Phòng/Trung tâm được thực hiện theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

k. Trung tâm Kinh doanh

Cơ cấu tổ chức bao gồm Phòng Quan hệ khách hàng cá nhân, Quan hệ khách hàng doanh nghiệp, Dịch vụ khách hàng và một số bộ phận nghiệp vụ khác theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Vị trí được đặt tại nơi đặt Trụ sở chính và sử dụng con dấu của BVB.

Chức năng nhiệm vụ chính: hoạt động kinh doanh tương tự chi nhánh, phục vụ phân khúc khách hàng mục tiêu theo ủy quyền và định hướng của Hội sở bao gồm hoạt động tín dụng, tiền gửi và dịch vụ thanh toán.

5.9.2 Các Chi nhánh/Phòng Giao dịch

Tùy theo quy mô và đặc thù kinh doanh tại từng khu vực, địa phương, các Chi nhánh/Phòng Giao dịch có thể có các Phòng nghiệp vụ như sau: Phòng Quan hệ Khách hàng Cá nhân; Phòng Quan hệ Khách hàng Doanh nghiệp; Phòng Quan hệ Khách hàng Doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs); Phòng Dịch vụ Khách hàng; Phòng Hành chính Ngân quỹ, v.v.....

5.9.3 Các công ty trực thuộc/Liên doanh liên kết

- a. Công ty Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản;
- b. Các Công ty trực thuộc/ Liên doanh Liên kết khác: không có

6. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của BVB; Danh sách cổ đông sáng lập của BVB; Cơ cấu cổ đông

6.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần:

Tại 30/09/2022, Ngân Hàng không có cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên.

6.3. Danh sách cổ đông sáng lập

Theo quy định tại Khoản 3, Điều 120, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 quy định trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người không phải cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của ĐHCĐ. Đến thời điểm hiện nay, các quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

6.4. Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông tính đến thời điểm 30/09/2022

Danh mục	Số lượng cổ đồng	Số lượng cổ phần (cổ phần)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ
Tổng số cổ phiếu phổ thông	12.393	367.090.000	3.670.900.000.000	100,00%
Tổng cổ đồng trong nước:	12.360	366.709.728	3.667.097.280.000	99,90%
Cổ đồng là Tổ chức	27	31.766.991	317.669.910.000	8,65%
Cổ đồng là Cá nhân	12.333	334.942.737	3.349.427.370.000	91,24%
Tổng cổ đồng nước ngoài:	33	380.272	3.802.720.000	0,10%
Cổ đồng là Tổ chức	1	100	1.000.000	0,00%
Cổ đồng là Cá nhân	32	380.172	3.801.720.000	0,10%

Nguồn: Danh sách cổ đồng BVB tại ngày

7. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của BVB

7.1. Danh sách những công ty mẹ của BVB

Không có.

7.2. Danh sách công ty con của tổ chức phát hành

- Tên Công ty: Công Ty TNHH MTV Quản Lý Nợ & Khai Thác Tài Sản –Ngân hàng TMCP Bản Việt (AMC).
- Giấy CNĐKKD số 0311401011 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08/12/2011.
- Vốn điều lệ đã đăng ký: 100 tỷ đồng.
- Vốn điều lệ thực góp: 100 tỷ đồng
- Vốn góp của BVB tại Công ty con: 100 tỷ đồng
- Tỷ lệ sở hữu của BVB tại công ty con: 100%.
- Hoạt động kinh doanh chính:
 - Tiếp nhận, quản lý các tài sản đảm bảo nợ vay (tài sản thế chấp, cầm cố, bảo lãnh, tài sản gán nợ, tài sản Tòa án giao ngân hàng theo các quyết định, bản án) liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi nhanh nhất.
 - Chủ động bán các tài sản đảm bảo nợ vay thuộc quyền định đoạt của ngân hàng thương mại theo giá thị trường (giá bán tài sản có thể cao hoặc thấp hơn giá trị nợ tồn đọng) theo hình thức phù hợp với quy định của pháp luật.

- Xử lý tài sản bảo đảm nợ vay bằng các biện pháp thích hợp: cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tài sản để bán, cho thuê, khai thác kinh doanh, góp vốn, liên doanh bằng tài sản để thu hồi nợ.
- Các hoạt động quản lý tài sản bảo đảm khác theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt phù hợp với quy định của pháp luật.

7.3. Danh sách những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Không có.

7.4. Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

Không có.

8. Hoạt động kinh doanh

8.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh:

Huy động vốn ngắn hạn, trung hạn, dài hạn dưới các hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi; Tiếp nhận vốn đầu tư và phát triển, vay vốn các tổ chức tín dụng khác; Cho vay ngắn hạn, trung và dài hạn; Bao thanh toán; Chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và chứng từ có giá; Hùn vốn và liên doanh theo pháp luật hiện hành, làm dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng; Kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc, thanh toán quốc tế, huy động các loại vốn từ nước ngoài và các dịch vụ ngân hàng khác trong quan hệ với nước ngoài khi được Ngân hàng Nhà nước cho phép.

8.1.1 Sản phẩm và dịch vụ

8.1.1.1. Sản phẩm tiền gửi

- Tiền gửi thanh toán cá nhân và doanh nghiệp: là loại tài khoản tiền gửi không kỳ hạn được sử dụng để thực hiện các giao dịch thanh toán qua Ngân hàng, bao gồm các loại hình tiền gửi bằng VND, USD, EUR.
- Tiết kiệm có kỳ hạn thông thường: là loại tài khoản tiền gửi được sử dụng với mục đích hưởng lãi căn cứ vào kỳ hạn gửi, gồm các loại hình tiết kiệm bằng VND, USD, EUR.
- Tiết kiệm không kỳ hạn: là loại tài khoản được sử dụng với mục đích là gửi hoặc rút tiền mặt bất kỳ lúc nào, gồm các loại hình tiết kiệm bằng VND, USD, EUR.
- Tiền gửi có kỳ hạn thông thường: là loại tài khoản tiền gửi có kỳ hạn áp dụng cho cá nhân, tổ chức, gồm các loại hình tiền gửi bằng VND, USD, EUR.
- Tiết kiệm tích lũy: là hình thức tiết kiệm có kỳ hạn áp dụng cho khách hàng cá nhân, loại tiền VND, cho phép khách hàng gửi góp định kỳ hàng tháng hoặc nộp tiền tiết kiệm tích lũy trong suốt kỳ hạn gửi.

- Sản phẩm tiền gửi bảo hiểm: là hình thức tiền gửi có kỳ hạn trả lãi trước áp dụng cho khách hàng cá nhân, theo đó khách hàng nhận lãi trước và dùng tiền lãi trước để thanh toán phí bảo hiểm nhân thọ.
- Tiền gửi linh hoạt: Là hình thức tiền gửi có kỳ hạn, cho phép khách hàng linh hoạt chọn ngày đến hạn mong muốn.
- Chứng chỉ tiền gửi: là hình thức huy động giấy tờ có giá có kỳ hạn của Ngân hàng, loại tiền VND, khách hàng tham gia cam kết không tất toán trước hạn khi chưa đến hạn thanh toán.

8.1.1.2 . Sản phẩm cho vay

Cung cấp tín dụng cho các khách hàng là cá nhân hoặc doanh nghiệp nhằm phục vụ cho các nhu cầu về sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và đời sống:

- Cho vay sản xuất, thương mại và dịch vụ (ngắn hạn, trung dài hạn).
- Cho vay mua nền nhà, mua nhà.
- Cho vay mua căn hộ của các Dự án bất động sản.
- Cho vay sửa chữa, xây dựng nhà.
- Cho vay mua xe ô tô (kinh doanh, đi lại ...).
- Cho vay tín chấp đối với cán bộ công nhân viên.
- Cho vay cầm cố giấy tờ có giá (sổ tiết kiệm, trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi...).
- Cho vay đầu tư dự án.
- Cho vay bổ sung vốn lưu động - Sản phẩm tài trợ trọn gói dành cho KH SMEs.
- Cấp tín dụng công trình có vốn đầu tư công.
- Bao thanh toán ...

8.1.1.3. Các sản phẩm dịch vụ khác

- Dịch vụ chuyên tiền trong nước.
- Dịch vụ bảo lãnh, thu đổi ngoại tệ mặt, chuyển tiền Western Union, thanh toán quốc tế ...
- Dịch vụ Ngân hàng điện tử: Internet Banking, Mobile Banking ...
- Kinh doanh ngoại tệ, mua bán nhà qua Ngân hàng ...
- Dịch vụ chi hộ lương, Thu thuế hải quan 24/7...
- Dịch vụ Thu chi hộ tiền mặt tận nơi, thanh toán hóa đơn....
- Dịch vụ thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ nội địa, quốc tế.

8.1.2. Huy động vốn:

- Cơ cấu huy động vốn ngày càng hợp lý hơn, hiệu quả, đa dạng hóa sản phẩm và chi phí linh hoạt, tối ưu. BVB không ngừng tăng cường huy động vốn từ thị trường I (huy động vốn từ các Tổ chức và dân cư), đồng thời huy động vốn từ thị trường II ở mức hợp lý

Nguồn vốn huy động 2020, 2021 và 30/09/2022 (Hợp nhất)

DVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020		31/12/2021		30/09/2022	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
Tiền gửi và vay các TCTD khác	9.346	17%	14.740	21%	15.665	22%
Tiền gửi của khách hàng	41.373	74%	45.245	64%	43.387	62%
Phát hành giấy tờ có giá	5.223	9%	10.58	15%	11.403	16%
Tổng cộng	55.942	100%	70.562	100%	70.454	100%

(Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất năm 2021 và BCTC Q3/2022)

- Cơ cấu nguồn huy động trong và ngoài nước

Chỉ tiêu	31/12/2020		31/12/2021		30/09/2022	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Trong nước	55.942	100%	70.562	100%	70.454	100%
Ngoài nước	-	0%	-	0%	-	0%
Tổng cộng	56.076	100%	70.562	100%	70.454	100%

(Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất năm 2021 và BCTC Q3/2022)

Trong những năm gần đây, do ảnh hưởng biến động kinh tế thế giới, tình hình kinh tế gặp nhiều khó khăn. Công tác huy động vốn tại các TCTD bị ảnh hưởng nhất định, trước tình hình này, BVB đã đưa ra nhiều chính sách cho phù hợp với từng thời kỳ nhằm khuyến khích tăng trưởng huy động, trong đó tập trung chú trọng tăng trưởng huy động từ các Doanh nghiệp và dân cư, đồng thời theo hướng phân tán khách hàng rộng hơn. BVB đã triển khai nhiều chương trình khuyến mãi, phát triển thêm nhiều sản phẩm, dịch vụ nhằm thu hút nguồn tiền gửi từ dân cư và các TCKT.

Huy động vốn của BVB chủ yếu là huy động từ TCKT và dân cư, chiếm gần 80% tổng vốn huy động. Đây là nguồn vốn ổn định, tăng trưởng qua các năm, đủ để đáp ứng vốn sử dụng cho tăng trưởng tín dụng và đảm bảo thanh khoản. BVB đã triển khai nhiều chương trình khuyến mãi, phát triển thêm nhiều sản phẩm, dịch vụ nhằm thu hút nguồn tiền gửi từ dân cư.

8.1.3 Hoạt động tín dụng:

Trong những năm gần đây, thương hiệu và hình ảnh của BVB đang dần được nhiều người biết đến, với việc mở rộng thị phần cho vay thông qua các mạng lưới hoạt động trải dài từ Bắc vào Nam, các điểm giao dịch đặt tại các địa bàn trọng yếu, tận dụng các thế mạnh về lãi suất và thời gian hoàn tất hồ sơ vay cho khách hàng để tăng doanh thu và mở rộng thị phần. Bên cạnh đó, BVB cũng thường xuyên rà soát, quan tâm và chăm sóc các khách hàng có uy tín để duy trì mối quan hệ tốt với các khách hàng và qua đó đạt được mức tăng trưởng về dư nợ tín dụng trên cơ sở đảm bảo an toàn chất lượng của khoản vay. Công tác kiểm tra nội bộ được tiến hành thường xuyên nên đã kịp thời bổ sung, chấn chỉnh các thiếu sót về hoạt động tín dụng trong toàn hệ thống.

- Theo thời hạn:

Dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020		31/12/2021		30/09/2022	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
Nợ ngắn hạn	21.899	55%	25.829	56%	30.310	60%
Nợ trung hạn	5.085	13%	5.730	12%	5.259	10%
Nợ dài hạn	12.849	32%	14.830	32%	15.283	30%
Tổng cộng	39.833	100%	46.389	100%	50.852	100%

(Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất năm 2021 và BCTC Q3/2022)

Tổng dư nợ cho vay của BVB tăng trưởng qua từng năm. Dư nợ năm 2021 tăng 16,46% so với năm 2020, tương đối đồng đều ở cả 3 mức nợ ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, tương ứng với % tăng trưởng lần lượt là 17,94%, 12,68% và 15,43%. Tỷ trọng nợ ngắn hạn tăng nhẹ tính đến Quý 3/2022, từ 56% lên 60%. Về cơ bản, cơ cấu dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn không có nhiều biến động đáng kể từ cuối năm 2020 đến nay.

- Theo nhóm nợ:

Dư nợ cho vay khách hàng theo nhóm nợ

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020		31/12/2021		30/09/2022	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng

Chỉ tiêu	31/12/2020		31/12/2021		30/09/2022	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
Nợ đủ tiêu chuẩn	38.353	96,3%	44.630	96,2%	48.671	95,7%
Nợ cần chú ý	368	0,9%	583	1,3%	755	1,5%
Nợ dưới tiêu chuẩn	134	0,3%	166	0,4%	182	0,4%
Nợ nghi ngờ	218	0,5%	186	0,4%	266	0,5%
Nợ có khả năng mất vốn	760	1,9%	824	1,8%	977	1,9%
Tổng cộng	39.833	100%	46.389	100%	50.852	100%

(Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất năm 2021 và BCTC Q3/2022)

- Tình hình hoạt động tín dụng

BVB bám sát mục tiêu tăng trưởng trong năm 2022 do hội đồng cổ đông thông qua, ngay từ quý đầu năm, ngân hàng đã đẩy mạnh tốc độ dịch chuyển sang bán lẻ thông qua việc cải thiện các chính sách, đưa ra chương trình, sản phẩm hiệu quả theo danh mục và phù hợp khách hàng. Dư nợ tín dụng quý III/2022 đạt 50.852 tỷ đồng, tăng 10% so với thời điểm cuối năm 2021.

Chất lượng tín dụng luôn được BVB ưu tiên và kiểm soát chặt chẽ, tuân thủ quy định của pháp luật và các giới hạn an toàn theo quy định của NHNN bằng những giải pháp quyết liệt và đồng bộ. Nhờ quy mô tăng trưởng tốt, cơ cấu chuyển dịch tích cực đi cùng với kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng, hiệu quả từ hoạt động tín dụng tiếp tục được nâng cao đóng góp quan trọng trong kết quả kinh doanh chung của ngân hàng.

Song song với đó, hoạt động xử lý và thu hồi nợ được tích cực triển khai. Tổng nợ xấu tính đến ngày 30/09/2022 tăng so với đầu năm ở mức 1.425 tỷ đồng.

Ngoài ra, BVB chủ động cơ cấu nợ tổng thể cho các khách hàng nhằm đảm bảo cho khách hàng có thể tiếp tục duy trì hoạt động, cũng như phục hồi phát triển trở lại trong thời gian tới.

Dư nợ cho vay qua các năm và tỷ lệ an toàn hoạt động

Đơn vị: tỷ đồng

Khoản mục	31/12/2020	31/12/2021	30/09/2022
Tổng dư nợ cho vay	39.833	46.389	50.852
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	9,27%	10,86%	12,06%
Tỷ lệ nợ quá hạn	0,37%	0,38%	4,29%
Tỷ lệ nợ xấu	0,28%	0,25%	2,80%

Đơn vị: tỷ đồng

Khoản mục	31/12/2020	31/12/2021	30/09/2022
Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi	7,18%	6,65%	6,69%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng để cho vay trung dài hạn	21,0%	22,1%	20,7%

(Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất năm 2021 và BCTC Q3/2022)

8.1.4 Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán quốc tế

BVB đang triển khai thực hiện các dịch vụ thanh toán trong nước và thanh toán quốc tế nhưng do nguyên nhân khách quan dẫn đến hoạt động thanh toán tín dụng thư xuất nhập khẩu và công tác chuyển tiền còn chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu hoạt động của BVB. Cùng với sự phát triển về quy mô, mạng lưới hoạt động, hạ tầng công nghệ và chất lượng nhân sự...đến nay, BVB đã và đang cung cấp đầy đủ và đa dạng các sản phẩm cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp như thanh toán quốc tế, chuyển đổi ngoại tệ.

Doanh số kinh doanh ngoại tệ

Đơn vị: tỷ đồng

Kinh doanh ngoại tệ	31/12/2020	31/12/2021	30/09/2022
Mua	12,81	18,45	20,06
Bán	12,84	18,51	20,05

(Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất năm 2021 và BCTC Q3/2022)

Mối quan hệ với khách hàng truyền thống được BVB duy trì và quan tâm phát triển, bên cạnh việc tìm kiếm khách hàng thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như quảng cáo, băng rôn, tờ rơi, internet... và liên hệ giới thiệu dịch vụ cho khách hàng. Các điểm giao dịch cũng không ngừng tăng cường khai thác tiềm năng, mở rộng thị phần thanh toán của ngân hàng. BVB đã tổ chức bán các loại ngoại tệ cho hoạt động thanh toán của Ngân hàng. Ngoài ra, BVB cũng đã tổ chức khai thác nguồn vốn trên thị trường liên ngân hàng để bổ sung nguồn vốn hoạt động của Ngân hàng.

8.1.5 Hoạt động ngân hàng đại lý

Hiện tại, BVB đã thiết lập mối quan hệ thanh toán quốc tế với các Ngân hàng đại lý tại một số quốc gia như: Mỹ, Đức, Anh, Úc, HongKong, Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore, Thái Lan, Trung Quốc... Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác phát triển quan hệ quốc tế nói chung và đẩy mạnh hoạt động thanh toán quốc tế nói riêng, BVB thường xuyên phấn đấu đổi

mới, tiếp tục tăng cường quan hệ với các ngân hàng ở trong và ngoài nước đáp ứng nhu cầu hội nhập của Ngân hàng.

8.1.6 Hoạt động ngân quỹ và thanh toán trong nước

Công tác chuyển tiền trong toàn hệ thống nhanh, chính xác, hoạt động ngân quỹ an toàn, thu đúng, chi đủ, đáp ứng kịp thời nhu cầu tiền mặt cho khách hàng đã tạo được uy tín và góp phần nâng cao hình ảnh BVB. Cùng với việc nâng cao chất lượng phục vụ, chất lượng chuyên môn, BVB cũng đã mở rộng quy mô, mạng lưới hoạt động, nâng cấp hạ tầng công nghệ. Ngoài ra, do là thành viên của hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng của NHNN nên thông qua BVB, khách hàng có thể chuyển tiền, thanh toán đến các địa phương cả nước trong thời gian ngắn nhất.

8.1.7 Hoạt động đầu tư tài chính

Đề đa dạng cơ cấu tài sản có, đồng thời tăng nguồn thu và tính thanh khoản cho ngân hàng, BVB đã sử dụng một phần vốn tự có tăng lên trong năm tạm thời chưa sử dụng hết để đầu tư trái phiếu Chính Phủ, Trái phiếu của TCTD ... và các loại chứng khoán, giấy tờ có giá khác.

Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị: tỷ đồng

Đầu tư tài chính	31/12/2020	31/12/2021	30/09/2022
Trái phiếu chính phủ	3.391	7.426	9.080
Trái phiếu do TCTD khác trong nước phát hành	1.018	1.598	2.179
Trái phiếu do TCKT trong nước phát hành	288	20	-
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	11	8	-
Tổng cộng	4.709	9.051	11.259

(Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất năm 2021 và BCTC Q3/2022)

8.2. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn:

Hoạt động Quản trị rủi ro và bảo toàn vốn là một trong các vấn đề cốt lõi được BVB đặc biệt quan tâm, mang tính trọng yếu và xuyên suốt trong mọi hoạt động của Ngân hàng. Hệ thống quản lý rủi ro được BVB chú trọng xây dựng, phát triển hướng đến các chuẩn mực quốc tế. Nhằm hạn chế tối thiểu các rủi ro và bảo toàn nguồn vốn kinh doanh, Ban điều hành Ngân hàng cùng với HĐQT xây dựng hệ thống quản lý, phân định rõ các loại rủi ro nhằm theo dõi, quản lý theo hướng chuyên môn hóa từng loại rủi ro trọng yếu như rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường và thanh khoản để nắm bắt kịp thời những rủi ro có khả năng phát sinh, có biện pháp xử lý kịp thời và phù hợp. Bằng việc tổng hợp, phân tích, đánh giá các dữ liệu

báo cáo quá khứ từ những năm trước, Ban Điều hành Ngân hàng cùng các Phòng ban liên quan đã chủ động được trong các tình huống rủi ro và hạn chế những rủi ro phát sinh.

Một số các giải pháp áp dụng để tăng cường phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro của BVB đã triển khai như sau:

- Cơ cấu lại mô hình tổ chức theo hướng hiện đại để bảo đảm kiểm soát và quản lý rủi ro; thành lập các phòng quản lý rủi ro chuyên biệt bao gồm Phòng Quản lý rủi ro Tín dụng, Phòng Quản lý rủi ro Vận hành & Thị trường, chọn lựa cán bộ có đủ năng lực trình độ, phẩm chất đạo đức để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ, có cơ chế phân quyền, quy định trách nhiệm đối với cán bộ phụ trách và tác nghiệp, phù hợp với năng lực và kinh nghiệm của đội ngũ cán bộ đã được đào tạo thử thách và cơ sở vật chất hiện có, nâng cao năng lực trình độ chuyên môn một cách tương xứng cho đội ngũ cán bộ;
- Rà soát, chỉnh sửa và hoàn thiện các quy trình, quy chế nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan. Phân tích các rủi ro có thể xảy ra trong từng quy trình nghiệp vụ để triển khai ngay các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn rủi ro;
- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ. Trong bất kỳ hoàn cảnh và môi trường công tác nào cũng không buông lỏng công tác kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành quy chế, quy trình nghiệp vụ và ứng dụng công nghệ mới trong công tác này để kịp thời phát hiện, ngăn ngừa sai phạm, rủi ro;
- Đầu tư thích đáng về đào tạo nghiệp vụ kinh doanh phù hợp với chuẩn mực và kinh nghiệm quốc tế; trang thiết bị tin học viễn thông hiện đại nhằm đảm bảo an toàn, bảo mật và có tính mở; chỉ ra các lĩnh vực kinh doanh mới (tiền tệ tín dụng, ngoại hối, thanh toán chuyên tiền...) khi có khả năng phân tích và kiểm soát được rủi ro; Ngân hàng có chính sách, cơ chế, quy trình tuyển dụng, bố trí, bổ nhiệm, đào tạo cán bộ phù hợp với từng chức năng công việc, việc không ngừng bồi dưỡng, giáo dục nhằm nâng cao đạo đức nghề nghiệp của cán bộ ngân hàng phải được quán triệt và quan tâm thỏa đáng ở mọi cấp quản lý;
- Triển khai, áp dụng các chuẩn mực và công cụ mới trong quản lý rủi ro;
- Thực hiện việc phân loại nợ thông qua hệ thống tự động hóa, trích lập dự phòng và xử lý rủi ro theo đúng quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước; nâng cấp hệ thống, đảm bảo việc thực hiện được chính xác và kịp thời, cải tiến hệ thống thông tin báo cáo và quản trị rủi ro;
- Ban điều hành BVB luôn khuyến khích cán bộ ngân hàng chủ động báo cáo các tình huống phát sinh rủi ro hoặc tiềm ẩn rủi ro của Ngân hàng; sẵn sàng đối phó với những vấn đề nảy sinh; kiểm soát những thua lỗ; cố gắng củng cố hệ thống khi có rủi ro xảy ra. Thường xuyên tổ chức các cuộc họp định kỳ giữa Ban điều hành và lãnh đạo các đơn vị để rà soát công tác quản lý rủi ro của Ngân hàng.

Từ năm 2018 đến nay, Năm 2020, BVB tiếp tục đẩy mạnh triển khai quản lý rủi ro theo tiêu chuẩn Basel II nhằm tăng cường năng lực quản trị rủi ro:

- Nâng cao quản lý rủi ro tín dụng thông qua việc tập trung hóa công tác thẩm định tín dụng, quản lý tín dụng nhằm gia tăng kiểm soát chặt chẽ ở khâu giải ngân vốn tín dụng, thẩm định giá tài sản để tăng cường quản lý chất lượng tài sản bảo đảm, triển khai nâng cấp hệ thống xếp hạng tín dụng theo đối tượng khách hàng mục tiêu;
- Xây dựng danh mục ngành nghề định hướng hoạt động tín dụng trong năm, quản lý rủi ro theo cây sản phẩm để nâng cao chất lượng tín dụng.
- Thiết lập cơ chế giám sát nợ từ xa thông qua hệ thống cảnh báo sớm nhằm theo dõi đảm bảo việc quản lý nợ được tốt hơn, hạn chế phát sinh nợ xấu;
- Xác lập các hạn mức rủi ro cho các sản phẩm tín dụng (tỷ lệ nợ quá hạn, tỷ lệ nợ xấu...), xây dựng các hạn mức phân quyền phê duyệt cho hoạt động kinh doanh;
- Triển khai mô hình giám sát, xử lý nợ bán lẻ để đáp ứng kịp thời yêu cầu kinh doanh;
- Đối với hoạt động rủi ro vận hành, thị trường và thanh khoản, được chú trọng nhiều hơn thông qua thiết lập cơ chế cảnh báo rủi ro thị trường, xây dựng các kịch bản tình huống để kiểm tra sức chịu đựng về thanh khoản, xây dựng hệ thống & quy trình tự đánh giá rủi ro chốt kiểm soát (RCSA).

Vốn của BVB được phân bổ hiệu quả cho các hoạt động kinh doanh, luôn đáp ứng tỷ lệ vốn an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, để tối ưu hệ số an toàn vốn hơn nữa, BVB cũng đang thực hiện:

- Cấu trúc lại danh mục tài sản tối ưu nhằm định hướng kinh doanh vào các lĩnh vực, tài sản có hệ số rủi ro thấp.
- Xây dựng các chính sách lãi suất cho vay dựa trên rủi ro đối tượng khách hàng nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh đủ bù đắp cho mức vốn được phân bổ tương ứng.
- Phát triển sản phẩm theo gói nhằm đa dạng hóa dịch vụ, tăng thu từ phí dịch vụ, bù đắp rủi ro mà vẫn cạnh tranh được với thị trường.

8.3. Thị trường hoạt động:

8.3.1 Mạng lưới chi nhánh:

- Mạng lưới hoạt động của BVB hiện nay bao gồm: 01 Hội sở, 31 chi nhánh, 56 phòng giao dịch tại 27 tỉnh thành phố trong cả nước. BVB đang từng bước củng cố mạng lưới hoạt động hiện có, phát triển thêm các điểm giao dịch mới để mở rộng mạng lưới phục vụ.
- Nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường nội địa, đáp ứng nhu cầu hội nhập trên thị trường quốc tế, BVB luôn đề ra mục tiêu và chiến lược phấn đấu nhằm duy trì và phát triển thị phần khách hàng. Việc mở rộng quy mô, mạng lưới hoạt động của BVB

nhằm tăng khả năng tiếp cận các sản phẩm của ngân hàng đến đủ các đối tượng khách hàng trên địa bàn và khắp nơi trên cả nước.

8.3.2 Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng:

- Địa bàn hoạt động chính của BVB hiện tại tập trung các trung tâm tài chính tại các tỉnh, thành phố lớn có nhu cầu về các dịch vụ của Ngân hàng. Các khách hàng chính của BVB là các khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp, chủ yếu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các tổ chức tín dụng.
- Sau hơn 29 năm hoạt động, BVB đã từng bước tích lũy lợi nhuận, nâng dần chất lượng của các sản phẩm dịch vụ ngân hàng, tìm kiếm và phát triển số lượng khách hàng của Ngân hàng. Từ đối tượng khách hàng chính của Ngân hàng là các cá nhân, tiểu thương, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, BVB còn quan tâm và mở rộng các hoạt động đến các đối tượng khách hàng là các công ty liên doanh, doanh nghiệp nước ngoài hoạt động trong các khu công nghiệp, hỗ trợ sự phát triển các ngành nghề nông, lâm, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và các ngành nghề truyền thống tại các địa phương trong cả nước.
- BVB kế hoạch triển khai thêm nhiều loại hình sản phẩm và dịch vụ mới, cải tiến các sản phẩm dịch vụ hiện có, đem đến nhiều sự lựa chọn cho khách hàng, đồng thời nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, có chính sách ưu đãi các khách hàng giao dịch thường xuyên, khách hàng truyền thống, khách hàng có số dư tiền gửi lớn, mở rộng mạng lưới hoạt động trên khắp cả nước, nhằm định hướng phát triển BVB trở thành một thương hiệu mạnh trong chất lượng dịch vụ khách hàng.

8.3.3 Thị phần và khả năng cạnh tranh:

Thị phần của BVB so với toàn ngành chiếm khoảng 0,44% dư nợ cho vay và chiếm 0,42% tiền gửi của khách hàng. Trong xu thế hội nhập với mức độ cạnh tranh cao, BVB luôn hướng đến việc nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm, cải tiến các giải pháp công nghệ theo hướng hiện đại nhằm mang lại nhiều lựa chọn và tiện ích cho khách hàng khi sử dụng dịch vụ, từ đó từng bước tăng cường khả năng cạnh tranh.

Thị phần của BVB so với toàn ngành ngày tại thời điểm 30/09/2022

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu hợp nhất	Tổng tài sản	Dư nợ cho vay	Tiền gửi của khách hàng
BVB	77,556	50.852	54.789
Thị phần BVB so với toàn ngành	0,48%	0,44%	0,42%

Nguồn: tổng hợp từ Ngân hàng Nhà nước

8.4. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện

8.4.1 Mạng khách hàng cá nhân

- Thẻ tín dụng

Trung tâm thẻ đang thực hiện dự án triển khai hệ thống thẻ với các sản phẩm thẻ thanh toán mới, phát triển thêm kết nối với các tổ chức thẻ quốc tế MasterCard và JCB, mở rộng hợp tác với các công ty cung cấp dịch vụ để tăng cường các tiện ích sử dụng kết hợp với thẻ nhằm mang lại cho khách hàng trải nghiệm khác biệt về sản phẩm thẻ.

- Sản phẩm, dịch vụ khác dành cho Khách hàng cá nhân

Mục tiêu chính trong năm 2022 của Khối KHCN là tăng trưởng Huy động và Tín dụng theo chiến lược bán lẻ hướng vào đối tượng khách hàng chính là nhóm Hộ Kinh Doanh, nhóm cho vay tín chấp và nhóm khách hàng mua nhà ở. Để làm được điều trên, Khối KHCN đã và đang tiếp tục nghiên cứu và phát triển sản phẩm, dịch vụ kết hợp với các công cụ, phương thức bán hàng chuyên nghiệp, điển hình như sau:

- ✓ Về thị trường và đối tượng khách hàng: thực hiện phát triển nhanh cơ sở khách hàng hướng vào đối tượng khách hàng gửi không và có kỳ hạn; khách hàng vay nhỏ lẻ, tiêu dùng, hộ kinh doanh và tín chấp đối với các đơn vị hành chính sự nghiệp.
- ✓ Về sản phẩm: phát triển theo hướng đa dạng hoá, đáp ứng linh hoạt nhu cầu, dịch vụ theo từng phân nhóm khách hàng và đặc thù địa phương.
- ✓ Về kênh phân phối: đơn giản hoá quá trình tiếp cận và sử dụng sản phẩm, đẩy mạnh các kênh phân phối trực tuyến nhằm nâng cao sự tiện lợi và tiện ích cho khách hàng khi sử dụng sản phẩm dịch vụ.

8.4.2 Mạng khách hàng doanh nghiệp

- Khối KHDN thực hiện chiến lược phát triển khách hàng phân khúc doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME). Phân khúc này phù hợp với năng lực phục vụ của BVB đồng thời cũng là phân khúc mang lại sự phát triển bền vững cho Ngân hàng.
- Chủ động nghiên cứu, xây dựng các sản phẩm chương trình cho vay với lãi suất hợp lý kết hợp với việc đổi mới quy trình cho vay theo hướng đơn giản hóa thủ tục vay vốn nhưng vẫn đảm bảo an toàn vốn vay phù hợp với quy định của pháp luật, nâng cao khả năng thẩm định để rút ngắn thời gian giải quyết cho vay, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng.
- Về thị trường và đối tượng khách hàng: thực hiện phát triển nhanh cơ sở khách hàng đặc biệt trú trọng vào phân khúc khách hàng SME.
- Về sản phẩm: thực hiện chiến lược phát triển sản phẩm theo hướng đáp ứng linh hoạt nhu cầu về vốn sản xuất kinh doanh của khách hàng SME, đồng thời đa dạng hoá về dịch vụ đặc biệt là dịch vụ thanh toán và bảo lãnh nhằm cung cấp trọn gói sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng.

- Về kênh phân phối: Tinh giản hoá thủ tục, hồ sơ khách hàng giao dịch bên cạnh phát triển ngân hàng số (Internet Banking, Mobile Banking ...) và hỗ trợ ứng dụng Công nghệ thông tin nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, trải nghiệm và sự hài lòng cho khách hàng.
 - ✓ Dự án Mobile Banking, Internet Banking KHDN;
 - ✓ Dự án Website SME;
 - ✓ Dự án LOS (khởi tạo và phê duyệt Online dành cho KHDN)

Các dự án đang thực hiện từ năm 2021

Lĩnh vực	Tên dự án	Đánh giá tác động của dự án
Quản trị rủi ro	Rà soát và hướng dẫn xây dựng mô hình xếp hạng tín dụng	Xây dựng mô hình thẻ điểm dành cho khách hàng cá nhân và SMEs. Là bộ lọc, công cụ phê duyệt tín dụng và quản trị rủi ro
	Rà soát và hướng dẫn xây dựng mô hình xếp hạng tín dụng dành cho định chế tài chính	Xây dựng mô hình thẻ điểm dành cho khách hàng định chế tài chính (Fis) vốn chưa có sẵn. Chuẩn hóa việc thẩm định, cấp hạn mức tín dụng cho KH FI
	Dịch vụ Hướng dẫn phương pháp triển khai tính toán vốn tuân thủ TT41/2016/TT-NHNN cho BVB	Tuân thủ quy định Ngân hàng Nhà Nước theo TT41/2016/TT-NHNN. Hoàn thành TT41 trước thời hạn, nâng cao hệ thống quản lý rủi ro trên cơ sở quản trị an toàn vốn theo Basel 2
	ICAAP – Xây dựng quy trình đánh giá mức độ đủ vốn theo Basel 2	Tuân thủ quy định NHNN theo TT13/2016/TT-NHNN. Hoàn thành TT13 trước hạn, hoàn thành cả 3 trụ cột QLRR theo Basel 2
Tài chính	Xây dựng mô hình lợi nhuận đa chiều	Đánh giá và phân bổ chi phí chính xác theo từng mảng nghiệp vụ, từng bước trong quy trình để đánh giá chính xác lợi nhuận
Kế toán	Dự án IFRS9	Triển khai chuẩn mực kế toán quốc tế theo Quyết định số 345/QĐ-BTC vào ngày 16 tháng 03 năm 2020. Là công cụ để đánh giá chính xác, đầy đủ tài sản và rủi ro kèm theo

Nguồn: Ngân hàng Bản Việt

9. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

9.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu về HĐKD của BVB trong 2 năm gần nhất và quý gần nhất

Kết quả kinh doanh hợp nhất

DVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Giá trị tăng/giảm 2021/2020	% tăng/giảm 2021/2020	Quý 3/2022
Tổng tài sản	61.102	76.511	15.409	25%	77.556
Vốn chủ sở hữu	3.890	4.639	749	19,25%	4.940
Thu nhập lãi thuần	1.105	1.435	330	30%	1.323
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	60	71	11	18%	145
Lãi thuần từ HĐKD ngoại hối	37	33	-4	-11%	66
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-	-
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	164	142	-22	-13%	(10)
Lãi thuần từ hoạt động khác	50	52	2	4%	41
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	-175	-292	-117	-66,86%	-
Chi phí hoạt động	867	1.051	184	21%	950
Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí DPRR tín dụng	548	682	134	24%	546
Chi phí DPRR tín dụng	347	370	23	7%	123
LNTT	201	311	110	55%	423
LNST	161	249	88	55%	338
ROE	4,23%	5,67%	1,44%	34%	5,80%

(Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất năm 2021 và BCTC Q3/2022)

Ghi chú: các thông tin “N/A” theo bảng trên đây là những chỉ tiêu không so sánh, do có chỉ tiêu trong năm được so sánh có giá trị âm và/hoặc có giá trị bằng 0.

Kết quả kinh doanh công ty mẹ

DVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Giá trị tăng/giảm 2021/2020	% tăng/giảm 2021/2020	Quý 3/2022
----------	----------	----------	-----------------------------	-----------------------	------------

Tổng tài sản	61.202	76.612	15.410	25%	77.656
Vốn chủ sở hữu	3.857	4.606	749	19%	4.905
Thu nhập lãi thuần	1.103	1.433	330	30%	1.322
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	60	71	11	18%	145
Lãi thuần từ HĐKD ngoại hối	37	33	-4	-11%	66
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	-	N/A	-	-
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	164	141	-23	-14%	(10)
Lãi thuần từ hoạt động khác	49	51	2	4%	39
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	1	1	0	0%	-
Chi phí hoạt động	866	1.050	184	21%	949
Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí DPRR tín dụng	548	682	134	24%	544
Chi phí DPRR tín dụng	347	370	23	7%	123
LNTT	201	311	110	55%	421
LNST	161	249	88	55%	336
ROE	4,26%	5,71%	1,45%	29%	5,82%

(Nguồn: BCTC kiểm toán Riêng Lẻ năm 2021 và BCTC Q3/2022)

Ghi chú: các thông tin “N/A” theo bảng trên đây là những chỉ tiêu không so sánh, do có chỉ tiêu trong năm được so sánh có giá trị âm và/hoặc có giá trị bằng 0.

9.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến HĐKD của BVB trong năm báo cáo:

Làn sóng Covid-19 lần 4 bùng phát mạnh trong năm 2021, khiến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và người dân càng gặp nhiều khó khăn, tác động làm tình hình kinh tế vĩ mô có phần diễn biến phức tạp trong năm 2021 và các tháng đầu năm 2022, bên cạnh đó, những chính sách của NHNN cũng như những yếu tố cạnh tranh đã tác động đến hệ thống ngân hàng nói chung và BVB nói riêng.

Đầu năm 2022, NHNN ra chỉ thị 01 thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành ngân hàng với các mục tiêu và nhiệm vụ tổng quát:

- ✓ Quyết liệt triển khai đề án tái cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025

- ✓ Thực hiện các giải pháp nhằm kiểm soát quy mô, tăng trưởng tín dụng hợp lý, hướng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ, tiếp tục kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro.
- ✓ Triển khai đồng bộ các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho người dân và doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, thiên tai, dịch bệnh.
- ✓ Tập trung đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động ngân hàng và hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt. Tăng cường đảm bảo an ninh, an toàn trong hoạt động thanh toán và chuyển đổi số.

NHNN ra chỉ thị 02 về việc đẩy mạnh chuyển đổi số và bảo đảm an ninh, an toàn thông tin trong hoạt động ngân hàng. Bên cạnh đó, NHNN tiếp tục áp dụng các giải pháp hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 theo Thông tư 01 (được sửa đổi bởi thông tư 03 và 14).

Mặc dù phải đối mặt với những khó khăn về yếu tố cạnh tranh, chính sách vĩ mô và biến động thị trường nhưng BVB luôn tuân thủ đúng quy định của NHNN và duy trì tốc độ phát triển hàng năm. Để đáp ứng được nhu cầu kinh doanh trong thời gian tới thì BVB vẫn đang trong tiến trình cùng cố tổ chức hoạt động, đẩy mạnh công tác chuyển đổi số, đầu tư hệ thống công nghệ thông tin và nâng cao hệ thống đào tạo nhằm đáp ứng được yêu cầu thị trường và hoạt động kinh doanh trong thời gian tới.

Theo tinh thần của Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ngày 02/04/2020 của Thống đốc NHNNVN về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, BVB đã và đang tích cực đồng hành cùng với khách hàng, kịp thời có các biện pháp hỗ trợ, tháo gỡ phù hợp, thiết thực như ưu đãi lãi suất, cơ cấu thời gian trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ, v.v..., qua đó giúp khách hàng, doanh nghiệp ổn định hoạt động, sớm vượt qua khó khăn. Tuy nhiên, để thực hiện điều này, BVB sẽ phải triển khai các giải pháp, chính sách giảm lãi suất cho khách hàng; gia hạn và kéo dài thời gian thu hồi, xử lý nợ; chủ động trích lập dự phòng bổ sung các khoản vay. Điều này đồng nghĩa với việc thu nhập và lợi nhuận của Ngân hàng có thể bị ảnh hưởng đáng kể.

10. Vị thế của BVB so với các ngân hàng khác trong ngành:

10.1 Vị thế của BVB trong ngành

Trải qua nhiều thăng trầm trong quá trình hình thành phát triển, BVB đến nay cũng đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận như về tốc độ tăng trưởng về dư nợ tín dụng, vốn huy động, chỉ số lợi nhuận, bên cạnh đó BVB cũng có một số lợi thế nhất định so với các Ngân hàng khác.

- Về nguồn nhân lực: Các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Điều Hành của BVB là những cán bộ có năng lực và chuyên môn ngân hàng giỏi, có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Bên cạnh đó, đội ngũ CB-CNV của BVB trẻ, năng nổ,

niệt tình, tận tâm, ham học hỏi, hầu hết được đào tạo chính quy về các chuyên môn và nghiệp vụ.

- Hệ thống công nghệ thông tin: BVB luôn chú trọng đầu tư triển khai hệ thống công nghệ ngân hàng hiện đại, tạo nền tảng vững chắc hỗ trợ công tác quản trị ngân hàng và phát triển các sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại. Trong thời gian tới, BVB tiếp tục tăng cường năng lực tài chính, quản trị điều hành, công nghệ thông tin, mở rộng các dịch vụ ngân hàng điện tử, hiện đại hóa ngân hàng tiến tới hội nhập khu vực và thế giới. Hiện tại BVB đã đưa vào sử dụng hệ thống thông tin cung cấp số liệu một cách chính xác và kịp thời đến từng cấp quản lý, phục vụ nhu cầu truy vấn số liệu trong nội bộ ngân hàng. Ngoài ra, BVB đã triển khai hoạt động ngân hàng số Digimi cùng nhiều dự án nâng cấp hệ thống dữ liệu và công nghệ như: giải pháp xây dựng và nâng cấp hệ thống tính toán lợi nhuận đa chiều và lợi nhuận điều chỉnh rủi ro về vốn, website mới vietcapitalbank.com.vn, hệ thống máy giao dịch tự động thế hệ mới CRM.
- Hệ thống kiểm tra nội bộ: BVB đã xây dựng được bộ phận kiểm tra nội bộ chuyên trách của Ngân hàng. Hệ thống kiểm tra nội bộ gồm các cán bộ có thâm niên trong ngành, kiểm tra việc thực hiện quy trình của Ngân hàng một cách độc lập, khách quan nhằm hạn chế những rủi ro và tăng hiệu quả hoạt động của Ngân hàng.
- Nguồn khách hàng: với quy chế quản lý quy trình cấp tín dụng thông thoáng và an toàn, đảm bảo hoàn tất hồ sơ trong thời gian nhanh nhất, BVB đã hấp dẫn được một lượng lớn các khách hàng, do vậy tỷ lệ lợi nhuận từ lãi vay của BVB cao, đảm bảo mức thu nhập và nâng cao khả năng cạnh tranh của BVB đối với ngân hàng khác.

Trong quá trình phát triển BVB vẫn đang thực hiện cùng cố tổ chức hoạt động với nhiều cơ hội và thách thức từ thị trường và các quy định từ NHNN (về phân loại nợ, trích lập dự phòng...) nhưng với định hướng bám sát chiến lược phát triển, mở rộng và đa dạng hóa cơ sở khách hàng, giảm lệ thuộc vào khách hàng lớn, chuyển dịch hệ khách hàng theo hướng tập trung vào các khách hàng nhỏ lẻ, có margin cao hơn và nỗ lực kiểm soát chi phí. Kết thúc năm tài chính 2021 và tính đến Quý 3/2022, hoạt động của BVB đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, thể hiện qua việc các chỉ tiêu hoạt động chính đều đạt mức tăng trưởng cao và hầu hết các chỉ tiêu đặt ra đều hoàn thành và vượt kế hoạch ĐHCĐ giao phó:

- BVB trích lập đầy đủ các khoản dự phòng rủi ro trong hoạt động theo quy định. Tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát ở mức 2,8% vào Quý 3/2022, dưới mức quy định của NHNN.
- Lợi nhuận trước thuế Quý 3/2022 đạt 421 tỷ đồng, tăng 9.7% so với cùng kỳ năm ngoái. Nếu so với kế hoạch lợi nhuận trước thuế cả năm 2022 là 450 tỷ đồng thì BVB đã thực hiện được hơn 94% chỉ tiêu chỉ trong 9 tháng đầu năm nay.
- Trong các giai đoạn hoạt động, BVB luôn tuân thủ nghiêm túc các quy định của NHNN, các chỉ số an toàn hoạt động của BVB luôn đảm bảo tuân thủ các quy định, hệ số an toàn vốn (CAR) luôn xoay quanh mức trên 10%, cao hơn so với mức yêu cầu tối thiểu 8%.

- Trong giai đoạn sắp tới, BVB tiếp tục phát triển hoạt động kinh doanh trên cơ sở tăng trưởng bền vững, tăng cường hoạt động quản trị rủi ro, kiện toàn bộ máy hoạt động, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, gia tăng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của ngân hàng, mở rộng thêm mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch trên toàn quốc, nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh và thị phần của Ngân hàng.

10.2 Triển vọng phát triển ngành

Theo khảo sát của Vietnam Report thực hiện vào tháng 6/2022 cho thấy trên 48% số khách hàng phản hồi cho rằng ngành ngân hàng đã thể hiện vai trò quan trọng trong quá trình phục hồi kinh tế của Việt Nam. Năng lực hoạt động của ngành ngân hàng được nhìn nhận rất tích cực khi 77,7% số khách hàng cho rằng các ngân hàng đã duy trì mức độ dịch vụ khách hàng tốt, và 58,9% cho biết các ngân hàng đã điều chỉnh sản phẩm, dịch vụ phù hợp với thay đổi do đại dịch.

Triển vọng phục hồi và tăng trưởng ngành ngân hàng năm 2022 phụ thuộc rất lớn vào khả năng khống chế dịch bệnh COVID-19, cũng như tốc độ phục hồi của nền kinh tế. Nếu tốc độ phục hồi của nền kinh tế tốt, khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế tăng lên, hoạt động cung ứng vốn cho nền kinh tế của hệ thống ngân hàng sẽ được tăng cường, chất lượng tài sản cũng như thu nhập của ngân hàng nhờ đó sẽ tốt hơn.

Số liệu thống kê trong những tháng đầu năm 2022 cho thấy, GDP quý II/2022 tăng trưởng 7,72%, cao nhất trong hơn 1 thập kỷ, GDP 6 tháng cũng tăng 6,42%. Kết quả này là minh chứng cho bức tranh kinh tế khởi sắc rõ nét và nhiều lĩnh vực đang đà phục hồi mạnh mẽ. Từ đó có thể kỳ vọng bức tranh tươi sáng của ngành ngân hàng trong 6 tháng cuối năm 2022.

Báo cáo của Vietnam Report cũng đưa ra kết quả khảo sát cho thấy 63,6% số chuyên gia và ngân hàng dự báo tăng trưởng của ngành ngân hàng cao hơn cùng kỳ năm trước, trong khi chỉ có 9,1% số chuyên gia và ngân hàng tỏ ra thận trọng với triển vọng ngành.

Các triển vọng của Ngành ngân hàng trong 3 tháng cuối năm 2022:

Tăng trưởng tín dụng phục hồi mạnh mẽ. Tăng trưởng tín dụng năm 2021 đã trở về mức trước đại dịch (năm 2019), đạt 13,6%. Phần lớn chuyên gia và ngân hàng tham gia khảo sát của Vietnam Report dự báo tăng trưởng tín dụng cả năm 2022 có thể đạt mức trên 14%, trong đó, cho vay bán lẻ tiếp tục là động lực chính. Theo đánh giá của các chuyên gia, cho vay tiêu dùng ở Việt Nam hiện còn khá khiêm tốn so với các nước trong khu vực, điều này cho thấy dư địa tăng trưởng rất lớn.

Tiền gửi tăng trở lại. Lãi suất huy động neo ở mức thấp, các kênh đầu tư thay thế và thu nhập cá nhân suy giảm đã gây áp lực cho tăng trưởng huy động vốn trong giai đoạn 2020-2021. Tuy nhiên, cuộc đua lãi suất bắt đầu “nóng” khoảng 3 tháng trở lại đây. Hiện nay, mặt bằng lãi suất tiền gửi đã tăng đáng kể, ở các kỳ hạn 6 tháng và 12 tháng trở lên. Lãi suất huy

động tăng sẽ khiến huy động tiền gửi nhàn rỗi của các ngân hàng dự phóng sẽ tăng trưởng mạnh.

Thu nhập ngoài lãi tăng trưởng tốt, chủ yếu đến từ bancassurance do thu nhập từ lãi của các ngân hàng trong thời gian tới sẽ khó khăn hơn bởi chính sách quản trị rủi ro ngày càng nghiêm ngặt. Vì thế, thu nhập ngoài lãi sẽ trở thành động lực thúc đẩy lợi nhuận. Trong các khoản thu nhập ngoài lãi, thu nhập từ phí và hoa hồng tăng trưởng ổn định với tốc độ tăng trưởng kép giai đoạn 2018-2021 đạt 28,3% (theo FiinResearch). Hai nhân tố đóng góp chính vào mức tăng trưởng này chính là doanh thu bancassurance và phí dịch vụ thẻ. Số liệu thống kê cho thấy, khoản phí thu được từ bancassurance trung bình đóng góp khoảng 31% vào tổng thu nhập phí và hoa hồng năm 2021 của các ngân hàng. Do vậy thu nhập ngoài lãi được kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng trong ngắn hạn và trung hạn. Ngoài ra, nguồn thu nhập đến từ việc thu hồi nợ xấu đã xóa có thể là một nguồn thu nhập bất thường cho ngành ngân hàng trong thời gian tới.

CIR cải thiện nhờ chuyển đổi số. Nhờ việc số hóa hoạt động, CIR của hầu hết các ngân hàng đã giảm đáng kể trong những năm gần đây. Đại dịch đã góp phần lớn làm gia tăng tốc độ tương tác của khách hàng với các dịch vụ ngân hàng trực tuyến, điều này cuối cùng làm giảm chi phí cố định của ngân hàng.

Lợi nhuận từ dịch vụ tài chính phi tín dụng được gia tăng

Ngày 08/08/2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 986/QĐ-TTg về Chiến lược phát triển ngành ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đưa ra chỉ tiêu phấn đấu tới cuối năm 2025, tăng tỷ trọng thu nhập từ hoạt động dịch vụ phi tín dụng trong tổng thu nhập của các NHTM lên khoảng 16% - 17%. Nhằm thực hiện mục tiêu và chiến lược này, các ngân hàng đã có những chuyển hướng mạnh mẽ trong cơ cấu hoạt động bằng việc đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ, hạn chế sự phụ thuộc quá nhiều vào tín dụng, giảm thiểu những tác động tiêu cực của nền kinh tế. Cơ cấu thu nhập chuyển dịch sang hướng bền vững hơn khi các nguồn thu của ngân hàng trở nên đa dạng hơn với doanh thu thẻ, bảo hiểm, thanh toán, dịch vụ trái phiếu, tư vấn giải pháp kinh doanh, kinh doanh ngoại tệ...

Do đó, chiến lược tăng tỷ trọng thu nhập dịch vụ phi tín dụng vẫn được các NHTM Việt Nam tiếp tục tập trung. Trong bối cảnh cách mạng 4.0, ứng dụng công nghệ Fintech, Blockchain, sử dụng thiết bị di động, sự phát triển của công nghệ số, Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tăng cường chỉ đạo, thúc đẩy mạnh mẽ, các NHTM Việt Nam cũng ngày càng cạnh tranh quyết liệt hơn, tăng cường đầu tư nguồn lực tài chính, nhân lực, phát triển và nâng cao các dịch vụ phi tín dụng, đặc biệt là các dịch vụ hiện đại, như: internet banking, ngân hàng số, sử dụng mã QR, ví điện tử ... Các NHTM cũng mở rộng hợp tác với ngành thuế, hải quan, kho bạc nhà nước, bảo hiểm xã hội, công ty cung ứng dịch vụ thanh toán, các công ty và tổ chức cung ứng dịch vụ công như: điện lực, viễn thông, truyền hình cáp, nước sạch, bệnh viện, xăng

dầu, giao thông đường bộ và đường sắt, các hãng hàng không, trạm đăng kiểm giao thông, trường đại học và cao đẳng, dạy nghề, công ty xuất khẩu lao động, công ty du lịch, siêu thị, trung tâm thương mại, các công ty bảo hiểm, ... Việc cung ứng các dịch vụ phi tín dụng cũng giúp các NHTM Việt Nam bán chéo các sản phẩm như: tiền gửi, thấu chi, ...

Chuyển đổi số là “chìa khóa” để các ngân hàng nâng cao chất lượng dịch vụ và giảm thiểu chi phí hoạt động

Nhìn vào cơ cấu nguồn thu của các ngân hàng, có thể nhận thấy rõ xu hướng chuyển dịch danh mục tín dụng sang các lĩnh vực có tỷ suất sinh lời cao và ít rủi ro như phân khúc bán lẻ. Quan trọng hơn, việc đa dạng hoá các nguồn thu bên cạnh nguồn thu lãi truyền thống từ tín dụng như trước đây của các ngân hàng cũng tập trung sang tăng thu nhập ngoài lãi, thể hiện qua tỷ lệ thu nhập lãi thuần/tổng thu nhập hoạt động (NII/TOI) của các ngân hàng như: VietinBank, Techcombank, Vietcombank, VP Bank ... có xu hướng giảm dần.

Các nguồn thu từ các hoạt động ngoài lãi (non-NII) của các ngân hàng trong nhiều quý trở lại đây như kinh doanh bảo hiểm, phát triển các hoạt động thanh toán, quản lý tài sản, mua bán chứng khoán ngoại hối ... được chú trọng đẩy mạnh hơn và liên tục tăng trưởng so với các giai đoạn trước.

Ở góc độ thói quen giao dịch, có thể nhận thấy, làn sóng COVID-19 đã thay đổi toàn diện thói quen sử dụng sản phẩm dịch vụ online của người dùng, đặt ra bài toán cho rất nhiều ngân hàng phải chạy nước rút xây dựng hệ sinh thái số và cạnh tranh về những tính năng ưu việt, tiện lợi cho khách hàng. Theo báo cáo của NHNN, giá trị giao dịch trên kênh Internet và mobile banking của các ngân hàng trong quý II/2021 đạt 14.834 nghìn tỷ, tăng 21,3 lần so với cùng kỳ, riêng kênh mobile banking tăng 9,1 lần.

Theo số liệu của NHNN, dự kiến trong vòng 3 - 5 năm tới, các ngân hàng số sẽ có mức tăng trưởng doanh thu tối thiểu là 10%, và có 58,1% tổ chức tín dụng đặt kỳ vọng thu hút hơn 60% khách hàng sử dụng kênh giao dịch số, kỳ vọng tỷ lệ tăng trưởng khách hàng đạt trên 50%. Điều này cho thấy công cuộc chuyển đổi số trong ngành ngân hàng tại Việt Nam trong thời gian tới sẽ diễn ra khá mạnh mẽ. Mặc dù chưa đến 1/3 ngân hàng trong nước có chiến lược chuyển đổi số rõ nét, nhưng một nhóm các “ngân hàng tiên phong” trong lĩnh vực đã và đang nổi lên dẫn đầu xu thế chuyển đổi số để nâng cao trải nghiệm của khách hàng như: VietinBank, Vietcombank, Techcombank, VP Bank, MB, TP Bank, ...

10.3 So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành (tại 30/09/2022):

So sánh một số chỉ tiêu tài chính riêng lẻ tại thời điểm 30/09/2022 của BVB với một số ngân hàng

Dvt: Tỷ đồng

Tiêu chí/Mã cổ phiếu niêm yết của các Ngân hàng	BVB	KLB	VAB	VBB
Vốn điều lệ	3.671	3.653	5.400	4.777
VCSH	4.897	4.884	6.898	6.029
Tổng tài sản	82.297	73.982	94.497	109.667
Tiền gửi khách hàng	47.569	43.491	66.398	71.851
Cho vay khách hàng	50.770	38.603	58.005	55.393
Tổng thu nhập hoạt động	2.929	2.793	12.711	3.705
LNTT	353	349	585	387

(Nguồn: BCTC riêng lẻ Quý 3 năm 2022 của các ngân hàng)

10.4 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Trong bối cảnh nền kinh tế trong nước và thế giới đang chịu nhiều tác động tiêu cực tới hoạt động kinh doanh, quy định quản lý của NHNN ngày càng được thắt chặt để đảm bảo sự an toàn và hiệu quả của toàn hệ thống, nhu cầu của khách hàng ngày càng cao, áp lực cạnh tranh từ các đối thủ ngày càng lớn thì BVB với định hướng chiến lược tăng trưởng bền vững thông qua việc đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, đổi mới phương thức kinh doanh, nâng cao quản trị tài chính và chất lượng nợ đã đem lại nhiều kết quả tốt.

Đổi mới mô hình tăng trưởng: từ dựa vào lợi thế quy mô là chính, đến nay BVB đã có bước chuyển mình để tập trung cải thiện chất lượng dịch vụ và hiệu quả hoạt động. Ngân hàng duy trì tốc độ tăng trưởng hợp lý và ưu tiên tăng trưởng mạng khách hàng bán lẻ và SME.

Thay đổi phương thức kinh doanh: BVB đã chuyển sang phát triển và ứng dụng giải pháp ngân hàng tài chính tổng thể cho khách hàng nhóm khách hàng, phát triển mạnh theo chuỗi liên kết thay vì cung ứng đơn lẻ sản phẩm dịch vụ ngân hàng như trước kia.

Quản trị chi phí hiệu quả: Hoạt động quản trị tài chính của Ngân hàng được nâng cao, phân bổ nguồn lực tài chính bài bản và có hiệu quả hơn.

Quản lý tốt chất trọng tài sản: Trong thời gian qua, BVB đã tăng cường công tác dự báo và nhận diện sớm rủi ro. Đối với những tài sản có rủi ro, Ngân hàng nhanh chóng đưa ra những phương án để tập trung quản trị đạt hiệu quả tối đa.

Kiến toàn mô hình cơ cấu tổ chức: Bộ máy tổ chức được cơ cấu tinh gọn, tăng cường chuyên môn hóa và đẩy mạnh phối hợp hiệu quả trong mạng lưới.

11. Chính sách đối với người lao động

11.1 Số lượng người lao động: Tính đến thời điểm 31/12/2020, tổng số CBNV của Ngân hàng là 1.840 người và đến 31/12/2021 là 2077 người, tại ngày 30/09/2022 là 2.401 người

11.2 Chính sách đào tạo, bổ nhiệm, đánh giá cán bộ, đãi ngộ khen thưởng, tuyển dụng

❖ Chính sách đào tạo

BVB luôn đề cao tầm quan trọng của công tác phát triển nguồn nhân lực đối với sự phát triển bền vững của hệ thống. Đào tạo được đưa vào danh mục quyền lợi đối với tất cả cán bộ trong toàn hệ thống. Cán bộ được đào tạo thường xuyên kết hợp bởi các hình thức: Đào tạo tập trung, đào tạo tại đơn vị, đào tạo gắn liền với kèm cặp trong công việc (On job training... giúp thuận tiện cho học viên trong công tác bố trí tham gia đào tạo cũng như thực hiện công tác chuyên môn. Nội dung khóa học phong phú, bám sát với nhu cầu đào tạo của các đơn vị nghiệp vụ và có tính ứng dụng cao trong công việc: Chương trình kỹ năng Lãnh đạo cấp trung vị trí TP/PPTSC, GD/PGĐ chi nhánh, TP/PP CNCác chương trình đào tạo bắt buộc dành cho cán bộ mới, đào tạo chuyên sâu cho cán bộ nghiệp vụ theo khung năng lực của từng vị trí công việc. Hiệu quả đào tạo được đo lường cụ thể thông qua thực hiện các cam kết ứng dụng và xây dựng kế hoạch hành động sau đào tạo. Mức độ hài lòng đối với chất lượng khóa học của học viên trung bình trong năm đạt 95%.

❖ Chính sách quy hoạch, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ giá cán bộ

Công tác quy hoạch, bổ nhiệm, đào tạo, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công việc đối với cán bộ BVB được triển khai theo hướng hiệu quả, thiết thực, BVB chủ động nhận diện sớm cán bộ tiềm năng, tập trung phát triển nguồn lực và giữ chân nhân tài, chủ động xây dựng nguồn Lãnh đạo kế cận đối với các vị trí chủ chốt, nhận diện và bố trí nhân sự có năng lực đáp ứng yêu cầu theo vị trí công việc.

❖ Chính sách đánh giá cán bộ

Đánh giá cán bộ là cơ sở để đào tạo, phát triển, quy hoạch, bố trí sắp xếp nhân sự và chi trả lương thưởng, đãi ngộ xứng đáng với đóng góp của CBNV đối với Ngân hàng. Áp dụng hệ thống KPI trong đánh giá hiệu quả công việc, BVB luôn chú trọng cải tiến công tác đánh giá hiệu quả công việc. Dữ liệu đo lường KPI được tự động hóa từng bước, giảm thiểu tác nghiệp thủ công và sai sót dữ liệu. Cùng với kết quả đánh giá KPI, BVB đã triển khai đánh giá năng lực của cán bộ nhằm bổ sung tính rõ ràng/minh bạch trong đánh giá, xếp loại cán bộ; bộ chỉ tiêu đánh giá năng lực đã đem lại hiệu quả trong định hướng hành vi năng lực của cán bộ để phấn đấu tới các cấp bậc cao hơn trong lộ trình công việc.

❖ Chính sách đãi ngộ, khen thưởng

BVB đã ban hành quy định Chế độ đãi ngộ phúc lợi tổng nhằm thể hiện sự quan tâm và ghi nhận những đóng góp của người lao động trong hệ thống BVB. Bên cạnh các chế độ đãi ngộ tổng thể, BVB còn xây dựng các chế độ đãi ngộ vượt trội dành cho cán bộ đạt thành tích cao, cán bộ nhân tài và các cán bộ đảm nhiệm các vị trí chủ chốt nhằm ghi nhận sự đóng góp với

các cán bộ có năng lực, thành tích cao, tạo động lực phấn đấu cho cán bộ, tăng sự gắn kết và giữ chân nhân tài.

❖ **Chính sách tuyển dụng**

BVB tổ chức công tác tuyển dụng công khai trên diện rộng nhằm lựa chọn các ứng viên được đào tạo bài bản, có năng lực tốt để đáp ứng nhu cầu công việc. Định kỳ hằng năm, Trụ sở chính BVB chủ động triển khai hoạt động tuyển dụng về nguồn lực cho các đơn vị thông qua: (i) Kiểm soát chi tiêu tuyển dụng theo định biên đối với từng đơn vị, tập trung tuyển dụng cho các bộ phận trọng yếu; (ii) Sắp xếp bố trí lại nhân sự giữa các đơn vị thừa, thiếu phù hợp; (iii) Thúc đẩy nhanh, liên tục quy trình tuyển dụng Chi nhánh nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu nhân sự cho các hoạt động kinh doanh.

12. Tình hình hoạt động tài chính

12.1. Các chỉ tiêu cơ bản:

▪ **Tình hình công nợ:**

Tình hình công nợ (hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/09/2022
- Tổng giá trị tài sản có	61.102	76.511	77.556
- Tổng nợ phải trả	57.211	71.872	72.616

(Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất năm 2021 và BCTC Q3/2022)

Tình hình công nợ (riêng lẻ)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022
- Tổng giá trị tài sản có	61.202	76.612	77.656
- Tổng nợ phải trả	57.345	72.006	72.751

(Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất năm 2021 và BCTC Q3/2022)

▪ **Trái phiếu chưa đáo hạn**

Trái phiếu chưa đáo hạn tại ngày 30/09/2022

Đơn vị: tỷ đồng

Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá	Lãi suất/năm	Kỳ hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Ngày thực hiện quyền mua lại	Đặc điểm loại trái phiếu
---------------	------------------	--------------	--------	----------------	--------------	------------------------------	--------------------------

Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá	Lãi suất/năm	Kỳ hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Ngày thực hiện quyền mua lại	Đặc điểm loại trái phiếu
TPRL012020	697,5	8,2%	6 năm	Từ ngày 04/11/2020 đến 07/01/2021	Từ ngày 04/11/2026 đến 07/01/2027	Từ ngày 07/02/2022 đến 08/04/2022	Trái phiếu nợ thứ cấp
BV2020_0411	1.000,0	6,0%	3 Năm	11/4/2020	11/4/2023	Không mua lại	Trái phiếu thường
BVBLH2128001	50,0	7,6%	7 năm	8/2/2021	8/2/2028	11/2/2022	Trái phiếu nợ thứ cấp
BVBLH2128002	50,0	7,6%	7 năm	8/5/2021	8/5/2028	11/5/2022	Trái phiếu nợ thứ cấp
BVBLH2128003	100,0	7,8%	7 năm	8/27/2021	8/27/2028	11/27/2022	Trái phiếu nợ thứ cấp
BVBLH2128004	100,0	8,2%	7 năm	11/18/2021	11/18/2028	2/18/2023	Trái phiếu nợ thứ cấp
BVBH2124005	1.000,0	6,0%	3 năm	12/17/2021	12/17/2024	Không mua lại	Trái phiếu thường
BVBLH2128006	230,0	8,50%	7 năm	12/29/2021	12/29/2028	3/29/2023	Trái phiếu nợ thứ cấp
BVBLH2229001	200,0	8,60%	7 năm	1/14/2022	1/14/2029	4/14/2023	Trái phiếu nợ thứ cấp
BVBL2229002	100,0	8,60%	7 năm	3/4/2022	3/4/2029	6/4/2023	Trái phiếu nợ thứ cấp
BVBL2229003	150,0	8,60%	7 năm	3/8/2022	3/8/2029	6/8/2023	Trái phiếu nợ thứ cấp
BVBL2229004	100,0	8,60%	7 năm	3/24/2022	3/24/2029	6/24/2023	Trái phiếu nợ thứ cấp
BVBL2229005	200,0	8,60%	7 năm	4/5/2022	4/5/2029	7/5/2023	Trái phiếu nợ thứ cấp
BVBL2229006	100,0	8,60%	7 năm	4/8/2022	4/8/2029	7/8/2023	Trái phiếu nợ thứ cấp
BVBL2229007	60,0	8,60%	7 năm	8/5/2022	8/5/2029	3/5/2024	Trái phiếu nợ thứ cấp
BVBL2229008	100,0	8,60%	7 năm	8/30/2022	8/30/2029	3/30/2024	Trái phiếu nợ thứ cấp
BVBL2229009	100,0	8,60%	7 năm	8/31/2022	8/31/2029	3/31/2024	Trái phiếu nợ thứ cấp
Trái phiếu đại chúng BVB đợt 1	819,13	8,5%	7 năm	12/30/2022	12/30/2028	3/30/2023	Trái phiếu nợ thứ cấp
Trái phiếu đại chúng BVB đợt 2	967,74	8,60%	7 năm	8/26/2022	8/26/2029	2/26/2024	Trái phiếu nợ thứ cấp

Nguồn: Ngân hàng Bản Việt

▪ **Các khoản phải nộp theo luật định**

Các khoản phải nộp theo luật định (hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/09/2022
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	8,00	(0,15)	13,85
2	Thuế giá trị gia tăng	0,36	1,46	0,84
3	Thuế thu nhập cá nhân	0,16	2,37	1,90
4	Thuế nhà thầu nước ngoài	0,05	0,09	0,18
Tổng cộng		13,27	(10,99)	16,77

(Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất năm 2021 và BCTC Q3/2022)

Các khoản phải nộp theo luật định (riêng lẻ)

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/09/2022
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	8,00	(0,15)	13,85
2	Thuế giá trị gia tăng	0,36	1,46	0,84
3	Thuế thu nhập cá nhân	0,16	2,37	1,90
4	Thuế nhà thầu nước ngoài	0,05	0,09	0,18
Tổng cộng		13,27	(10,99)	16,77

(Nguồn: BCTC kiểm toán Riêng lẻ năm 2021 và BCTC Q3/2022)

Ngân hàng TMCP Bản Việt hoàn thành đầy đủ tất cả nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước trong năm 2020, 2021 và 9 tháng đầu năm 2022.

▪ **Trích lập các quỹ**

Trích lập các quỹ (hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu cuối kỳ	31/12/2020	31/12/2021	30/09/2022
- Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-
- Quỹ dự phòng tài chính	12,60	16,10	24,77
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	6,30	8,05	12,39
- Quỹ khác	0,01	-	-
Tổng cộng	23,91	24,15	37,16

(Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất năm 2021 và BCTC Q3/2022)

Trích lập các quỹ (riêng lẻ)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu cuối kỳ	31/12/2020	31/12/2021	30/09/2022
------------------	------------	------------	------------

Chỉ tiêu cuối kỳ	31/12/2020	31/12/2021	30/09/2022
- Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-
- Quỹ dự phòng tài chính	12,50	15,99	24,77
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	6,25	7,99	12,39
- Quỹ khác	0,01	-	-
Tổng cộng	23,75	23,98	37,16

(Nguồn: BCTC kiểm toán Riêng lẻ năm 2021 và BCTC Q3/2022)

Ngân hàng Bản Việt thực hiện đúng và đầy đủ việc trích lập các Quỹ theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP và theo phê duyệt Đại hội đồng cổ đông.

12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu tài chính (Hợp nhất)

DVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	% Tăng/giảm 2021/2020	Quý 3/2022
1. Quy mô vốn				
- Vốn điều lệ	3.171	3.671	15,8%	3.671
- Tổng tài sản có	61.102	76.511	25,2%	77.556
- Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)(*)	9,30%	10,86%	16,8%	12,06%
2. Kết quả hoạt động kinh doanh				
- Huy động tiền gửi khách hàng	46.595	55.822	19,8%	54.789
- Dự nợ cho vay khách hàng	39.833	46.389	16,5%	50.054
- Nợ quá hạn	1.479	1.759	18,9%	2.180
- Nợ xấu	1.112	1.176	5,8%	1.425
- Hệ số sử dụng vốn (tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn)	21,00%	22,10%	5,24%	19,49%
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/ tổng số dự bảo lãnh	0%	0%	0%	0%
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ	3,70%	3,80%	2,70%	4,29%
- Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ	2,80%	2,50%	-10,71%	2,80%
3. Khả năng thanh khoản				
- Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	N/A	N/A	N/A	N/A
- Tỷ lệ dư nợ cho vay/ Tổng tiền gửi (LDR)	71,90%	77,30%	7,51%	77,46%

(Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất năm 2021 và BCTC Q3/2022)

Các chỉ tiêu tài chính (Riêng lẻ)

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu (Riêng lẻ)	31/12/2020	31/12/2021	% Tăng/giảm 2021/2020	Quý 3/2022
1. Quy mô vốn				
- Vốn điều lệ	3.171	3.671	15,77%	3.671
- Tổng tài sản có	61.202	76.612	25,18%	77.656
- Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)(*)	9,18%	10,79%	17,54%	12,14%
2. Kết quả hoạt động kinh doanh				
- Huy động tiền gửi khách hàng	46.730	55.956	19,74%	54.924
- Dư nợ cho vay khách hàng	39.833	46.389	16,46%	50.054
- Nợ quá hạn	1.479	1.759	18,93%	0
- Nợ xấu	1.112	1.176	5,76%	0
- Hệ số sử dụng vốn (tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn)	21,00%	22,10%	5,24%	19,43%
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/ tổng số dự bảo lãnh	0%	0%	0%	0%
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ	3,70%	3,80%	2,70%	4,29%
- Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ	2,80%	2,50%	10,71%	2,80%
3. Khả năng thanh khoản				
- Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	13,34%	19,62%	47,08%	16,12%
- Tỷ lệ dư nợ cho vay/ Tổng tiền gửi (LDR)	71,80%	77,20%	7,52%	77,30%

Nguồn: BCTC kiểm toán Riêng lẻ năm 2021 và BCTC Q3/2022

13. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

13.1. Hội đồng Quản trị

13.1.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên: **LÊ ANH TÀI**

Giới tính: **Nam**

Ngày tháng năm sinh: **25/02/1972**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Số CMND: **079072014628**

Ngày cấp: **10/12/2019**

Nơi cấp:	Cục Cảnh Sát
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế Đại học Kinh tế TP.HCM
Quá trình công tác:	
• 1991 – 04/1995	Sinh viên Trường Đại học Kinh tế TP.HCM
• 04/1995 – 10/1996	Nhân viên kế toán, kế toán trưởng Công ty Lê Nhân
• 11/1996 – 03/2001	Chuyên viên tín dụng, tổ trưởng tổ tiếp thị kiêm Tổ trưởng tổ định giá tài sản Ngân hàng TMCP Tân Việt
• 04/2001 – 06/2002	Chuyên viên Phòng KSNB Hội sở chính Ngân hàng TMCP Á Châu
• 07/2002 – 05/2003	Chuyên viên Phòng tín dụng doanh nghiệp Ngân hàng Đầu Tư và Phát triển Việt Nam – CN TP.HCM
• 06/2003 – 02/2007	Trưởng phòng Kế hoạch và Đầu tư Hội sở, Giám đốc CN Tân Bình, Bến Thành và Tân Định Ngân hàng TMCP Nam Á
• 03/2007 – 04/2010	Giám đốc Khối kinh doanh, Phó Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa (Thái Bình Dương)
• 05/2010 – 10/2011	Phó Ban Tái cơ cấu Ban Tái cơ cấu Ngân hàng TMCP Việt Hoa
• 05/2012 – 08/2012	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Kiên Long
• 08/2012 – 04/2013	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt
• 05/2013 – nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Bản Việt
• Chức vụ hiện tại:	Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Bản Việt
• Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không có
Số cổ phần nắm giữ:	10.265.928 cổ phần, chiếm 2,797% vốn điều lệ, trong đó:
- Sở hữu cá nhân:	10.265.928 cổ phần, chiếm 2,797%
- Đại diện sở hữu:	Không có
Sở hữu của người có liên quan	Không có
Lợi ích liên quan đối với BVB	Thù lao nhận được theo quyết định của ĐHCĐ, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần

Các khoản nợ đối với BVB	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng:	Không có
Những người có liên quan:	Không có

13.1.2. Thành viên thường trực HĐQT

Họ và tên:	NGUYỄN THANH PHƯƠNG
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	20/03/1980
Quốc tịch:	Việt Nam
Số CMND:	091180000104
Ngày cấp:	18/06/2020
Nơi cấp:	Cục Cảnh Sát
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Đại học International University in Geneva, Cử nhân kinh tế Đại học kinh tế Quốc dân Hà Nội
Quá trình công tác:	
• 10/1997 – 7/2001	Sinh viên Đại học kinh tế Quốc dân Hà Nội
• 10/2001 – 12/2003	Sinh viên Đại học International University in Geneva
• 4/2004 – 5/2006	Phó Giám đốc tài chính Công ty Holcim Vietnam Ltd
• 6/2006 – 8/2007	Giám đốc đầu tư Vietnam Holding Asset Management
• 10/2007 – nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Quản lý quỹ Đầu tư chứng khoán Bản Việt
• 11/2007 – nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán Bản Việt
• 5/2007 – nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Bất động sản Bản Việt
• 2/2012 – nay	Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Bản Việt
• Chức vụ hiện tại:	Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Bản Việt
• Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT Công ty Quản lý quỹ Đầu tư chứng khoán Bản Việt Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán Bản Việt Thành viên HĐQT Công ty CP Bất động sản Bản Việt

Số cổ phần nắm giữ:	16.333.333 cổ phần, chiếm 4,449% vốn điều lệ, trong đó:
- Sở hữu cá nhân:	16.333.333 cổ phần, chiếm 4,449%
- Đại diện sở hữu:	Không có
Sở hữu của người có liên quan	Không có
Lợi ích liên quan đối với BVB	Thù lao nhận được theo quyết định của ĐHĐCĐ, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần
Các khoản nợ đối với BVB	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng:	Không có
Những người có liên quan:	Không có

13.1.3. Thành viên HĐQT

a. Ông Ngô Quang Trung

Họ và tên:	NGÔ QUANG TRUNG
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	10/12/1973
Quốc tịch:	Việt Nam
Số CCCD:	001073000650
Ngày cấp:	04/09/2021
Nơi cấp:	Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ thương mại, chuyên ngành Quản lý Quỹ Đại học New South Wales, Sydney Úc, Cử nhân ngân hàng Đại học kinh tế Quốc dân Hà Nội
Quá trình công tác:	
• 08/1995 – 11/2000	Cán bộ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
• 12/2000 – 04/2003	Phó phòng Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
• 05/2004 – 09/2007	Trưởng phòng Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam

- 10/2007 – 06/2009 Phó Giám đốc Sở Giao dịch Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
 - 2007 – 2010 Ủy viên HĐQT, chủ tịch HĐQT, đại diện phần vốn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại Ngân hàng TMCP Gia Định (nay là Ngân hàng TMCP Bản Việt)
 - 07/2009 – 12/2012 Giám đốc Công ty TNHH chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
 - 01/2013 – 01/2014 Tư vấn cao cấp về tài chính – ngân hàng Công ty TNHH Luật Bách Khoa
 - 01/2014 – 03/2015 Phụ trách khu vực Công ty Quản lý rủi ro doanh nghiệp BlackIce (Canada)
 - 4/2015 – 03/2016 Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt
 - 03/2016 – nay Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Bản Việt
 - Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt
 - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác Không có
- Số cổ phần nắm giữ: 11.200.000 cổ phần, chiếm 3,051% vốn điều lệ, trong đó:
- Sở hữu cá nhân: 11.200.000 cổ phần, chiếm 3,051%
 - Đại diện sở hữu: Không có
- Sở hữu của người có liên quan Không có
- Lợi ích liên quan đối với BVB Thù lao nhận được theo quyết định của ĐHĐCĐ, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần
- Các khoản nợ đối với BVB Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có
- Những người có liên quan: Không có

b. Ông Nguyễn Nhất Nam

Họ và tên:	NGUYỄN NHẤT NAM
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	26/09/1981
Quốc tịch:	Việt Nam
Số CMND:	025198105
Ngày cấp:	21/08/2009
Nơi cấp:	TPHCM
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân công nghệ thông tin, Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
• 09/1999 – 09/2011	Sinh viên Trường Đại học Khoa Học Tự Nhiên TPHCM, chuyên ngành Công nghệ thông tin
• 09/2001 – 09/2005	Sinh viên Trường Đại Học Kinh Tế TPHCM, chuyên ngành Quản trị kinh doanh (Thương mại)
• 09/2005 – 12/2006	Nhân viên Cty Bia Rượu NGK Sài Gòn- CN Cà Mau
• 12/2006 – 09/2009	Nhân viên tín dụng Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa
• 09/2009 – 07/2010	Tổ trưởng tín dụng Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa
• 07/2010 – 10/2011	Quản lý điều hành Quỹ tiết kiệm Lữ Gia-CN Thống Nhất – Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa
• 11/2011 – 12/2011	Phó phòng phụ trách tín dụng-Ngân hàngTMCP Gia Định
• 12/2011 – 05/2012	Giám đốc Quản lý điều hành Trung tâm kinh doanh Ngân hàng TMCP Bản Việt
• 05/2012 – 07/2015	Giám đốc Khởi phát triển kinh doanh Ngân hàng TMCP Bản Việt
• 07/2015 – 06/2020	Giám đốc Khởi thẩm định tín dụng Ngân hàng TMCP Bản Việt
• 06/2020 – nay	Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Bản Việt
• Chức vụ hiện tại:	Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Bản Việt

• Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không có
Số cổ phần nắm giữ:	3.573.455 cổ phần, chiếm 0,973% vốn điều lệ
- Sở hữu cá nhân:	3.573.455 cổ phần, chiếm 0,973%
- Đại diện sở hữu:	Không có
Sở hữu của người có liên quan	Trần Thị Đăng Ngọc (Vợ): 3.759.258 cổ phần, chiếm 1,024% vốn điều lệ
Lợi ích liên quan đối với BVB	Thù lao nhận được theo quyết định của ĐHĐCĐ, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần
Các khoản nợ đối với BVB	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng	Không có

13.1.4. Thành viên độc lập HĐQT

Họ và tên:	PHẠM QUANG KHÁNH
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	20/05/1985
Quốc tịch:	Việt Nam
Số CMND:	001085028782
Ngày cấp:	04/03/2019
Nơi cấp:	Cục Cảnh Sát
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh tại trường Đại học Bedfordshire (UK)
Quá trình công tác:	
• 04/2003 đến 02/2007	Sinh viên Trường Bách Khoa Singapore
• 02/2007 đến 03/2009	Chuyên viên kỹ thuật Cty Trans Infotech Việt Nam
• 04/2009 đến 12/2010	Chuyên viên kỹ thuật Cty CP Dịch Vụ Thẻ Smartlink
• 12/2010 đến 07/2011	Chuyên viên Phòng kinh doanh Cty CP Dịch Vụ Thẻ Smartlink
• 07/2011 đến 04/2012	Chuyên viên Văn phòng đại diện Cty CP Dịch Vụ Thẻ

	Smartlink
• 05/2012 đến 03/2015	Phó trưởng Văn phòng Đại diện TPHCM Cty CP Dịch Vụ Thẻ Smartlink
• 04/2015 đến 05/2015	Phó trưởng Văn phòng Đại diện TPHCM Cty CP Chuyển mạch Tài chính Quốc Gia Việt Nam(Cty CP Dịch Vụ Thẻ Smartlink sáp nhập vào)
• 06/2015 đến 06/2016	Học Thạc sỹ Quản trị kinh doanh tại Trường Đại học Bedfordshire (UK)
• 07/2016 đến 12/2016	Chuyên viên Văn phòng Đại diện TPHCM (Quay lại làm việc sau 01 năm học Thạc sỹ)
• 01/2017 đến nay	Thành viên độc lập HĐQT - Ngân hàng TMCP Bản Việt
	Phó trưởng Văn phòng Đại diện TPHCM- Cty CP Thanh toán Quốc gia Việt Nam
• Chức vụ hiện tại:	Thành viên độc lập HĐQT Ngân hàng TMCP Bản Việt
• Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Phó trưởng Văn phòng Đại diện TPHCM- Cty CP Thanh toán Quốc gia Việt Nam
Số cổ phần nắm giữ:	Không có
Sở hữu của người có liên quan	Không có
Lợi ích liên quan đối với BVB	Thù lao nhận được theo quyết định của ĐHCĐ, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần
Các khoản nợ đối với BVB	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng:	Không có
Những người có liên quan:	Không có

13.2. Ban Tổng Giám đốc

13.2.1. Tổng Giám đốc

Họ và tên: **NGÔ QUANG TRUNG**

Thông tin chi tiết đã được trình bày tại phần 11.1. Hội đồng quản trị

13.2.2. Phó Tổng Giám đốc

a. Ông Phạm Anh Tú

Họ và tên:	Phạm Anh Tú
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	14/07/1974
Quốc tịch:	Việt Nam
Số CMND:	022946108
Ngày cấp:	29/12/2009
Nơi cấp:	Tp Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính Công nghiệp trường Đại học Tài Chính Kế Toán Tp. Hồ Chí Minh. Hiện Ông là thành viên hiệp hội kế toán Australia (CPA Australia)
Quá trình công tác:	
• 1997-2000	Kế toán trưởng Cty Toshiba
• 2000-2002	Giám đốc kiểm soát tài chính tại CTY Novartis
• 09/2002-07/2005	Giám Đốc tài chính tại VPĐD Ikea (Việt nam)
• 2005-09/2006	Giám đốc QHKH Ngân hàng HSBC CN HCM
• 12/2007-03/2012	Giám Đốc tài chính Cty CP QLQ ĐTCK Bản Việt
• 04/2012 – nay	Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt
• Chức vụ hiện tại:	Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt
• Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không có
Số cổ phần nắm giữ:	4.255.553 cổ phần, chiếm 1,159% vốn điều lệ
- Sở hữu cá nhân:	4.255.553 cổ phần, chiếm 1,159%
- Đại diện sở hữu:	Không có
Sở hữu của người có liên quan	Không có
Lợi ích liên quan đối với BVB	Thù lao nhận được theo quyết định của ĐHĐCĐ, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần
Các khoản nợ đối với BVB	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân	Không có

hàng:

Những người có liên quan: Không có

b. Ông Lê Văn Bé Mười

Họ và tên: **LÊ VĂN BÉ MƯỜI**
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 10/03/1972
Quốc tịch: Việt Nam
Số CMND: 352054078
Ngày cấp: 04/04/2007
Nơi cấp: CA An Giang
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính trường Đại học Cần Thơ.

Quá trình công tác:

- 09/2006 – 10/2012 Phó Giám đốc CN Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – CN An Giang
- 11/2012 – 10/2013 Giám đốc CN Ngân hàng TMCP Kỹ thương – CN An Giang
- 11/2013 – 04/2017 Giám đốc khu vực Tây Nam Bộ Ngân hàng TMCP Bản Việt
- 05/2017 – Đến nay Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt
- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác Không có

Số cổ phần nắm giữ: 4.229.628 cổ phần, chiếm 1,152% vốn điều lệ

- Sở hữu cá nhân: 4.229.628 cổ phần, chiếm 1,152%

- Đại diện sở hữu: Không có

Sở hữu của người có liên quan Không có

Lợi ích liên quan đối với BVB Thù lao nhận được theo quyết định của ĐHĐCĐ, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần

Các khoản nợ đối với BVB	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng:	Không có
Những người có liên quan:	Không có

13.3. Ban Kiểm soát

13.3.1. Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên:	PHAN THỊ HỒNG LAN
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	07/11/1967
Quốc tịch:	Việt Nam
Số CMND:	022241860
Ngày cấp:	16/03/2012
Nơi cấp:	TP. HCM
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế Trường Đại học Kinh tế TP. HCM
Quá trình công tác:	
• 1986 – 1990	Sinh viên Trường Đại học Kinh tế
• 1990 – 1995	Kế toán tổng hợp Trung tâm kỹ thuật chất dẻo
• 1995 – 1997	Kế toán công nợ Công ty Sữa Dutch Lady
• 1997 – 2007	Kế toán tổng hợp Cty LD American Home
• 2007 - 3/2013	Kế toán trưởng Cty CP QLQ ĐTCK Bản Việt
• 2011 - 3/2013	Kế toán trưởng Cty CP Pi Capital
• 2010 - 3/2013	Kế toán trưởng Cty TNHH Giáo dục Bản Việt
• 4/2013 - đến nay	Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Bản Việt
• Chức vụ hiện tại:	Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Bản Việt
• Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không có
Số cổ phần nắm giữ:	Không có

Sở hữu của người có liên quan	Không có
Lợi ích liên quan đối với BVB	Thù lao nhận được theo quyết định của ĐHĐCĐ, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần
Các khoản nợ đối với BVB	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng:	Không có
Những người có liên quan:	Không có

13.3.2. Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên:	LÊ HOÀNG NAM
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	07/10/1974
Quốc tịch:	Việt Nam
Số CMND:	022761665
Ngày cấp:	27/01/2011
Nơi cấp:	TP. HCM
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Trung tâm đào tạo nghiên cứu khoa học ngân hàng. Cử nhân kinh tế Trường Đại học Kinh tế TP. HCM
Quá trình công tác:	
• 1992 – 1995	Sinh viên Trung tâm đào tạo nghiên cứu khoa học ngân hàng
• 4/1996 - 6/2009	Chuyên viên Ngân hàng nhà nước Việt Nam chi nhánh TP. HCM
• 7/2009 - 7/2012	Kiểm toán nội bộ Cty tài chính dầu khí Việt Nam – CN TP. HCM
• 8/2012 - 01/2013	Chuyên viên Phòng kiểm tra kiểm soát nội bộ - Ngân hàng TMCP Bản Việt
• 01/2013 - 3/2014	Phó phụ trách kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Bản Việt
• 04/2014 – đến nay	Thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Bản Việt

• Chức vụ hiện tại:	Thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Bản Việt
• Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không có
Số cổ phần nắm giữ:	Không có
Sở hữu của người có liên quan	Không có
Lợi ích liên quan đối với BVB	Thù lao nhận được theo quyết định của ĐHĐCĐ, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần
Các khoản nợ đối với BVB	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng:	Không có
Những người có liên quan:	Không có

13.3.3. Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên:	NGUYỄN THỊ THANH THÚY
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	31/01/1973
Quốc tịch:	Việt Nam
Số CMTND:	023796545
Ngày cấp:	23/09/2014
Nơi cấp:	TP. HCM
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế Trường Đại học Kinh tế TP HCM
Quá trình công tác:	
• 10/1992-12/1996	Sinh viên Trường Đại học Kinh tế TP HCM
• 12/1996-07/2004	Kế toán Ngân hàng TMCP Gia Định
• 07/2004-07/2006	Phụ trách Kế toán Phó CN Đa Kao -Ngân hàng TMCP Gia Định
• 03/2012-12/2013	Phó giám đốc CN Hàng Xanh- Ngân hàng TMCP Bản Việt
• 12/2013-10/2014	Trưởng phòng kế toán Công ty AMC Ngân hàng

	TMCP Bản Việt
• 10/2014-10/2015	Phó giám đốc phụ trách Công ty AMC Ngân hàng TMCP Bản Việt
• 10/2015- 08/2020	Giám đốc Công ty AMC Ngân hàng TMCP Bản Việt
• 08/2020- đến nay	Thành viên BKS Ngân hàng TMCP Bản Việt
• Chức vụ hiện tại:	Thành viên BKS Ngân hàng TMCP Bản Việt
• Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không có
Số cổ phần nắm giữ:	Không có
Sở hữu của người có liên quan	Không có
Lợi ích liên quan đối với BVB	Thù lao nhận được theo quyết định của ĐHĐCĐ, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần
Các khoản nợ đối với BVB	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng:	Không có
Những người có liên quan:	Không có

13.4. Kế toán trưởng

Họ và tên:	LÝ CÔNG NHA
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	01/11/1967
Quốc tịch:	Việt Nam
Số CMND:	025412735
Ngày cấp:	12/02/2011
Nơi cấp:	CA TP HCM
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính tín dụng trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh
Quá trình công tác:	
• 04/1994 – 07/2006	Trưởng Phòng Kế toán tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Cà Mau

- 08/2006 – 08/2009 Trưởng Phòng Kế toán tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Phú Thọ
 - 09/2009 – 03/2010 Trưởng Phòng Kế toán Ngân hàng TMCP Gia Định
 - 03/2010 – 03/2011 Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Gia Định
 - 04/2011 – 03/2017 Phó GD CN Ngân hàng BD Liên Việt – CN Chợ Lớn
 - 03/2017 – Đến nay Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Bản Việt
 - Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Bản Việt
 - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác Không có
- Số cổ phần nắm giữ: 3.870.370 cổ phần, chiếm 1,054% vốn điều lệ
- Sở hữu cá nhân: 3.870.370 cổ phần, chiếm 1,054%
 - Đại diện sở hữu: Không có
- Sở hữu của người có liên quan Không có
- Lợi ích liên quan đối với BVB Thù lao nhận được theo quyết định của ĐHĐCĐ, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần
- Các khoản nợ đối với BVB Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có
- Những người có liên quan: Không có

14. Tài sản:

14.1 Tài sản cố định hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình (hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Danh mục	31/12/2020		31/12/2021		30/09/2022	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	200	185	200	181	205	182
Máy móc thiết bị	185	102	234	131	243	123
Phương tiện vận chuyển	131	73	146	75	158	78

Danh mục	31/12/2020		31/12/2021		30/09/2022	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3	1	3	1	6	3
Tài sản cố định hữu hình khác	37	23	45	28	48	29
Tổng cộng	556	384	628	417	659	415

(Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất năm 2021 và BCTC Q3/2022)

Tài sản cố định hữu hình (riêng lẻ)

Đơn vị: tỷ đồng

Danh mục	31/12/2020		31/12/2021		30/09/2022	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	200	185	200	181	205	182
Máy móc thiết bị	185	102	234	131	243	123
Phương tiện vận chuyển	131	73	146	75	158	78
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3	1	3	1	6	3
Tài sản cố định hữu hình khác	37	23	45	28	48	29
Tổng cộng	556	384	628	417	659	415

(Nguồn: BCTC kiểm toán Riêng lẻ năm 2021 và BCTC Q3/2022)

14.2 Tài sản cố định vô hình:

Tài sản cố định vô hình (hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Danh mục	31/12/2020		31/12/2021		30/09/2022	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất	771	749	677	651	677	648
Phần mềm máy vi tính	253	129	301	159	303	150
Tổng cộng	1.024	878	978	810	980	799

(Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất năm 2021 và BCTC Q3/2022)

Tài sản cố định vô hình (riêng lẻ)

Đơn vị: tỷ đồng

Danh mục	31/12/2020		31/12/2021		30/09/2022	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất	771	749	677	651	677	648
Phần mềm máy vi tính	253	129	301	159	303	150
Tổng cộng	1.024	878	978	810	980	799

(Nguồn: BCTC kiểm toán Riêng lẻ năm 2021 và BCTC Q3/2022)

15. Chính sách chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức

- Ngân hàng sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo qui định của pháp luật.
- Cổ đông sẽ được chia cổ tức tương ứng với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của ĐHĐCĐ.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được ĐHĐCĐ quyết định trên cơ sở đề xuất của HĐQT, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Tỷ lệ trả cổ tức qua các năm

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
Tỷ lệ cổ tức (%)	0	0

Nguồn: Ngân hàng Bản Việt

16. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận trong các năm tiếp theo

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận 2022

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	
	Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm trước
Thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh	2.117	22%
Lợi nhuận sau thuế	384	54%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ Thu nhập lãi thuần	22%	26%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân	7,20%	22%
Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc cổ tức	0	0

Nguồn: Ngân hàng Bản Việt

✚ **Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch doanh thu, lợi nhuận 2022:**

Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2022 đã được Hội đồng quản trị phê duyệt theo định hướng hoạt động kinh doanh đã được thông qua tại Nghị quyết số 01/22/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/04/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022.

✦ Cơ sở để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:

Trong năm 2022, BVB tiếp tục thực hiện mục tiêu trở thành ngân hàng bán lẻ đa năng, hiện đại. Các sản phẩm huy động, tín dụng sẽ tiếp tục được phát triển theo định hướng phân khúc khách hàng nhỏ lẻ, doanh nghiệp SMEs, tăng trưởng mạnh số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ trên kênh ngân hàng điện tử. Kế hoạch hành động cụ thể như sau:

- Tài chính:
 - ✓ Gia tăng thu phí dịch vụ, phí ngoài lãi là một trong những mục tiêu chính
 - ✓ Quản lý sử dụng chi phí hiệu quả với mục tiêu chỉ số Chi phí /Thu nhập (CIR) dưới 70%
- Phát triển mạng lưới: tiếp tục thực hiện mở rộng mạng lưới và phát triển thương hiệu, trình Ngân hàng Nhà nước xem xét thành lập mở mới 15 điểm giao dịch, nâng tổng số mạng lưới giao dịch toàn quốc lên 131 điểm trong năm 2022.
- Khách hàng Cá nhân:
 - ✓ Đặt khách hàng là trọng tâm: phát triển hệ khách hàng tại các kênh truyền thống; Tăng cường phát triển hệ khách hàng qua các kênh đối tác Fintechs
 - ✓ Huy động vốn: Cơ cấu kỳ hạn để cải thiện nguồn vốn giá rẻ; Đặt trải nghiệm của khách hàng lên trên hết. Từ đó, ưu tiên các sản phẩm, dịch vụ tính năng trên thiết bị di động.
 - ✓ Quản lý danh mục: Ban hành chính sách/lãi suất linh hoạt theo danh mục sản phẩm; địa bàn phù hợp định hướng rủi ro.
- Khách hàng doanh nghiệp:
 - ✓ Linh hoạt áp dụng các biện pháp như cơ cấu lại nợ, tiếp tục cho vay... để đồng hành cùng Khách hàng qua dịch bệnh Covid.
 - ✓ Phân đoạn nhỏ, định vị lại SME thông qua các sản phẩm/chương trình phù hợp với từng địa phương.
 - ✓ Ứng dụng công nghệ trực tuyến Mobile Banking, Internet Banking và cung cấp các dịch vụ trên nền tảng Open Banking để thay đổi trải nghiệm thực tế, nâng cao sự thuận tiện cho khách hàng.
- Ngân hàng số: Tiếp tục phối hợp với các đối tác Fintechs lớn để khai thác thị trường:
 - ✓ Dịch vụ thu hộ/chị hộ Open API

- ✓ Dịch vụ gửi tiết kiệm Online, vay, thẻ tín dụng trên kênh của đối tác Fintechs...
- ✓ Phát triển ngân hàng số Timo.

✦ Kết quả đạt được đến Quý 3/2022

Tính đến Quý 3/2022, thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 1.323 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 338 tỷ đồng (đạt 88% chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế so với kế hoạch đề ra là 384 tỷ đồng).

17. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu và lợi nhuận

Với tư cách là một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS) đã tiến hành khảo sát, thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của BVB.

Dựa trên kết quả kinh doanh của BVB qua các năm 2020, 2021 cho đến 6 tháng năm 2022, khả năng triển khai và vận hành công tác tổ chức, quản lý doanh nghiệp, cùng với việc áp dụng đồng bộ các giải pháp phát triển kinh doanh, ngoại trừ trường hợp không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh, thì kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2022 mà BVB đưa ra là có thể thực hiện được và có tính khả thi.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư, không đảm bảo chắc chắn cho kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh của Ngân hàng, do đó các nhà đầu tư cần tự nghiên cứu một cách cẩn trọng và tự chịu trách nhiệm trước các quyết định đầu tư của mình.

18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành

Các thông tin về những cam kết, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức đăng ký niêm yết.

Cam kết chưa thực hiện của Tổ chức phát hành tại thời điểm 30/09/2022

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/09/2022
Trái phiếu chưa đáo hạn	1.608,0	4.046,6	3.934,0

Nguồn: Ngân hàng Bản Việt

Các thông tin về những cam kết, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức đăng ký niêm yết.

Các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và cam kết đưa ra tại thời điểm 30/09/2022 của BVB như sau:

Các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và cam kết đưa ra

Khoản mục Đơn vị: tỷ đồng	Hợp nhất			Riêng lẻ		
	Năm 2020	Năm 2021	Quý III/2022	Năm 2020	Năm 2021	Quý III/2022
I.Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn	1.499	1.432	1.432	1.499	1.432	1.390
1.Bảo lãnh vay vốn	131	1	1	131	1	1
2.Cam kết trong nghiệp vụ L/C	118	146	180	118	146	146
3.Bảo lãnh khác	1.25	1.285	1.153	1.25	1.285	1.285
II.Các cam kết đưa ra	27.788	6.784	35.435	27.788	6.784	35.435
1.Cam kết tài trợ cho khách hàng	-	-	-	-	-	-
2.Cam kết khác	27.788	6.784	35.435	27.788	6.784	35.435

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021 và BCTC Q3/2022 (Riêng và Hợp nhất)

19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan đến Tổ chức đăng ký niêm yết mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Không có.

V. TRÁI PHIẾU NIÊM YẾT:

Các nội dung được trình bày dưới đây là các thông tin, các điều khoản và điều kiện về trái phiếu theo phương án phát hành trái phiếu ra công chúng của BVB. Với việc mua, nhận chuyển quyền sở hữu, hoặc bằng cách khác đối với trái phiếu và trở thành chủ sở hữu trái phiếu, người sở hữu trái phiếu được xem là đã hiểu và đồng ý với tất cả các nội dung, quy định và chịu sự ràng buộc của các quy định có liên quan tại Bản cáo bạch này và phương án phát hành trái phiếu ra công chúng của BVB.

1. Loại trái phiếu:

Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được đảm bảo bằng tài sản của Tổ Chức Phát Hành, được phát hành và thanh toán bằng Việt Nam Đồng và thỏa các điều kiện để được tính vào Vốn cấp 2 theo các quy định tại Thông tư 41/2016/TT-NHNN và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Mã trái phiếu

BVB122028

3. Mệnh giá:

100.000 VND (Một trăm nghìn đồng)/Trái phiếu

4. Số lượng trái phiếu niêm yết:

9.677.400 trái phiếu (chín triệu, sáu trăm bảy mươi bảy nghìn, bốn trăm trái phiếu)

5. Số lượng trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành

Không có

6. Ngày phát hành

26/08/2022 (“Ngày Phát Hành”)

7. Ngày Đáo hạn

26/08/2029 (“Ngày Đáo Hạn”)

8. Kỳ hạn

07 (bảy) năm kể từ Ngày Phát Hành

9. Xếp hạng tín nhiệm

Không có

10. Mục đích phát hành trái phiếu và thực tế sử dụng vốn

Mục đích phát hành/chào bán Trái phiếu ra công chúng năm 2021 của BVB là để tăng quy mô vốn hoạt động, thực hiện cho vay nền kinh tế (bao gồm các khoản cho vay được giải ngân trước và sau thời điểm phát hành Trái phiếu), tăng vốn cấp 2 và đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của NHNN.

Tổng giá trị trái phiếu BVB đã phát hành trong Đợt 2 là 967,7 tỷ đồng. Tính đến thời điểm 30/09/2022, BVB chưa sử dụng số tiền thu được trong tổng giá trị trái phiếu đã phát hành Đợt 2. Báo cáo về tình hình sử dụng vốn đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG.

11. Lãi suất và xác định tiền lãi trái phiếu:

11.1. Lãi suất:

Trái Phiếu phát hành được áp dụng lãi suất cố định cho tất cả các Kỳ Tính Lãi theo bảng:

Đợt phát hành	Số lượng trái phiếu	Giá trị phát hành (theo mệnh giá)	Lãi suất (/năm)
Đợt 2	9.677.400	967.740.000.000 đồng	8,6%

Lãi suất Trái Phiếu trong trường hợp thanh toán trước hạn được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành (nếu có).

11.2. Xác định tiền lãi trái phiếu:

- Tổng tiền lãi Trái Phiếu được hưởng, bao gồm nhưng không giới hạn trường hợp Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu trước hạn, sẽ được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tiền lãi được hưởng trong Kỳ Tính Lãi} = \text{Tổng mệnh giá Trái Phiếu năm giữ trong Kỳ Tính Lãi} \times \text{Lãi Suất Trái Phiếu (\%/năm)} \times \frac{\text{Số ngày thực tế năm giữ Trái Phiếu trong Kỳ Tính Lãi}}{365}$$

- Mỗi Trái Phiếu sẽ không được hưởng lãi kể từ và bao gồm Ngày Đáo Hạn của Trái Phiếu hoặc ngày Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu trước hạn. Trong trường hợp tiền gốc của Trái Phiếu không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán do lỗi của Tổ Chức Phát Hành thì khi đó, Trái Phiếu sẽ tiếp tục được hưởng lãi với mức lãi suất bằng lãi suất Trái Phiếu áp dụng cho Kỳ Tính Lãi ngay trước Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Yêu Cầu Mua Lại (kể cả trước và sau khi có phán quyết) từ và bao gồm Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Yêu Cầu Mua Lại cho đến nhưng không bao gồm, ngày mà vào ngày đó Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc người được ủy quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu có liên quan nhận được tất cả các khoản tiền đến hạn liên quan đến Trái Phiếu. Tiền lãi trên các khoản phải trả (trừ các khoản lãi) chậm thanh toán sẽ được tính theo công thức sau:

$$\text{Tiền lãi được hưởng trong trường hợp chậm thanh toán các khoản phải trả} = \text{Tổng mệnh giá Trái phiếu đang năm giữ hoặc giá trị các khoản phải trả} \times \text{Lãi Suất Trái Phiếu (\%/năm)} \times \frac{\text{Số ngày thực tế bị chậm thanh toán}}{365}$$

- Phạt chậm trả lãi Trái Phiếu: Trường hợp khoản tiền lãi Trái phiếu bị giữ lại hoặc từ chối thanh toán do lỗi của Tổ Chức Phát Hành thì Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán cho

Người Sở Hữu Trái Phiếu tiền phạt trên số dư lãi chậm trả của Trái Phiếu với số tiền phạt được tính theo công thức:

$$\text{Số tiền phạt} = \frac{\text{Lãi Suất Trái Phiếu (\%/năm)}}{\text{Số ngày quá hạn trả lãi Trái Phiếu/365}} \times \text{Số dư lãi Trái Phiếu chậm trả}$$

- Để tránh nhầm lẫn, sẽ không có bất kỳ khoản lãi nào phát sinh (và Tổ Chức Phát Hành không có nghĩa vụ thanh toán bất kỳ khoản lãi nào phát sinh) trên khoản phạt chậm trả lãi Trái Phiếu trong bất kỳ trường hợp nào.
- Trong trường hợp vào Ngày Thanh Toán Lãi, và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc ngày đến hạn thanh toán khác mà Người Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được tiền thanh toán lãi và/hoặc Gốc mà không phải do lỗi của Tổ Chức Phát Hành hoặc các thành viên lưu ký thì số tiền thanh toán Lãi, Gốc đó sẽ được Tổ Chức Phát Hành hoặc các thành viên lưu ký giữ hộ và không được hưởng lãi.
- Trong trường hợp vào Ngày Thanh Toán Lãi, và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc ngày đến hạn thanh toán khác không phải là Ngày làm việc, thì ngày thanh toán sẽ là Ngày Làm việc tiếp theo và Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được hưởng lãi hay bất kỳ lợi ích nào khác trên số tiền chậm thanh toán do ngày đến hạn thanh toán không phải là một Ngày Làm Việc.
- Đối với việc ngừng thanh toán tiền lãi trái phiếu:
 - ✓ Trong khoảng thời gian từ Ngày Phát Hành đến Ngày Đáo Hạn, Tổ Chức Phát Hành được quyền ngừng thanh toán tiền Lãi Trái Phiếu khi đến hạn và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc thanh toán lãi làm cho kết quả kinh doanh trong năm tài chính có khoản lãi đến hạn đó của Tổ Chức Phát Hành bị lỗ (“Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán”). Việc chậm trả lãi như vậy sẽ không bị coi là vi phạm bất kỳ quy định nào của Trái Phiếu cho bất kỳ mục đích nào. Kỳ Tính Lãi mà Tổ Chức Phát Hành tạm ngừng thanh toán tiền lãi là “Kỳ Tạm Ngừng” thanh toán tiền lãi đó.
 - ✓ Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán sẽ không được nhập vào Gốc và sẽ được hưởng lãi kể từ và bao gồm ngày chậm trả cho đến nhưng không bao gồm ngày hoàn trả thực tế (là ngày Tổ Chức Phát Hành thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán và lãi phát sinh tính trên Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán) và được tính trên số ngày thực tế chậm trả trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày
 - ✓ Lãi suất áp dụng cho Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh toán là Lãi Suất của Trái Phiếu tương ứng (mức lãi suất này được áp dụng trong suốt thời gian tạm ngừng thanh toán tiền lãi).

12. Kỳ hạn trả lãi, trả gốc trái phiếu:

- Áp dụng chung cho Các Trái Phiếu, Lãi được thanh toán sau hàng năm, định kỳ vào ngày tròn (01) năm liên tục từ Ngày Phát Hành đến Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc ngày đến hạn khác.
- Tiền Gốc sẽ được hoàn trả bằng 100% mệnh giá của Trái Phiếu tương ứng vào Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại phù hợp với Điều Khoản, Điều Kiện Trái Phiếu.
- Chậm nhất 08 (tám) ngày làm việc trước Ngày đăng ký cuối cùng, Tổ Chức Phát Hành gửi hồ sơ Thông báo thực hiện quyền đến VSD. Tổ Chức Phát Hành sẽ thông báo trên trang thông tin điện tử của mình trong vòng 01 (một) ngày làm việc ngay sau khi VSD đăng thông tin trên trang thông tin điện tử của VSD về Ngày đăng ký cuối cùng và Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu và/hoặc Ngày Đáo Hạn Trái phiếu.
- Đối với các trái phiếu được đăng ký tập trung tại VSD nhưng chưa thực hiện lưu ký, việc thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác (nếu có) liên quan tới Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Hành chuyển trực tiếp vào tài khoản của Người Sở Hữu Trái phiếu được đăng ký trong Sổ đăng ký trái phiếu cho Tổ Chức Phát Hành.
- Đối với các trái phiếu được đăng ký tại VSD và đã thực hiện lưu ký, việc thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác (nếu có) liên quan tới Trái Phiếu sẽ được thực hiện thông qua các thành viên lưu ký nơi Người Sở Hữu Trái phiếu mở tài khoản lưu ký.

13. Quyền Mua lại Trái phiếu trước hạn

- BVB có thể mua lại trước hạn tối đa 100% khối lượng Trái phiếu đã phát hành kể từ Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc tại ngày mua lại khác phù hợp với điều kiện, điều khoản trái phiếu. Số tiền thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu khi BVB thực hiện việc mua lại, bao gồm: 100% mệnh giá và tiền lãi phát sinh chưa thanh toán sau khi đã khấu trừ thuế thu nhập cá nhân (đối với nhà đầu tư là cá nhân) và các phí có liên quan (nếu có) theo biểu phí dịch vụ của BVB trong từng thời kỳ.
- Trong trường hợp BVB mua lại Trái Phiếu kể từ Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại toàn bộ Trái Phiếu cho BVB và nhận được 100% khoản tiền Gốc Trái Phiếu do mình sở hữu; khi đó Trái Phiếu sẽ bị hủy bỏ và các Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu liên quan sẽ tự động hết hiệu lực lưu hành.
- Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại là ngày tròn 18 (mười tám) tháng kể từ ngày phát hành.
- BVB sẽ thông báo việc mua lại trên trang thông tin điện tử chính thức của Tổ Chức Phát Hành ít nhất 10 (ngày) nhưng không sớm hơn 60 (sáu mươi) ngày trước Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu tương ứng. Trong trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được thông báo mua lại của BVB mà không do lỗi của BVB hoặc không thực hiện đủ các thủ tục cần thiết để thực hiện việc bán lại Trái Phiếu cho BVB (nếu có), Người Sở Hữu Trái Phiếu vẫn có nghĩa vụ bán lại toàn bộ số Trái Phiếu đang sở hữu cho BVB và tiền thanh toán mua lại Trái Phiếu sẽ được chuyển vào tài khoản được đăng ký của mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu được ghi nhận tại BVB hoặc thông qua các Thành viên lưu ký nơi Người Sở Hữu Trái Phiếu mở tài khoản lưu ký.

- Trong phạm vi các Văn bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan yêu cầu, BVB sẽ có quyền khấu trừ hoặc giữ lại các khoản thuế, nghĩa vụ thuế, phí và chi phí từ bất kỳ khoản nào phải thanh toán cho các Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của Các Điều Khoản, Điều Khoản Trái Phiếu này để nộp cho Cơ quan Nhà nước nêu trên theo quy định.

14. Phương pháp tính giá (Công thức kèm ví dụ minh họa)

Thị giá hay giá của Trái Phiếu (Market value) là giá giao dịch thứ cấp của Trái Phiếu do thị trường quyết định và luôn thay đổi theo quan hệ cung cầu trên thị trường. Giá của Trái Phiếu là giá trị hiện tại của những dòng tiền trong tương lai dự tính thu được từ Trái Phiếu, được chiết khấu về thời điểm hiện tại với tỷ lệ lợi tức yêu cầu thích hợp của mỗi nhà đầu tư. Công thức tổng quát tính giá Trái Phiếu trả lãi theo định kỳ như sau:

$$PV = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

Trong đó:

- PV : là giá của trái phiếu
- FV : là Mệnh giá (gốc) của trái phiếu
- CF_i : là lãi của Trái Phiếu nhận kỳ tại trả lãi thứ i
- n : là số kỳ trả lãi còn lại của trái phiếu
- k : là mức sinh lời kỳ vọng đối với lợi suất trái phiếu

Việc xác định giá trái phiếu có thể khác nhau giữa các nhà đầu tư do lợi suất yêu cầu khác nhau, áp dụng các thông lệ thị trường (market convention) khác nhau trong tính toán và khả năng tiếp cận các thông tin thị trường khác nhau.

Để tính giá trái phiếu, nhà đầu tư có thể tham khảo các bước sau:

- (1) Xác định ngày thanh toán thực tế;
- (2) Xác định số kỳ hưởng lãi coupon còn lại và các ngày nhận lãi coupon;
- (3) Xác định các kỳ hưởng lãi coupon theo lãi suất thả nổi và dự phòng theo mô hình phù hợp (nếu có)
- (4) Xác định mức lãi suất trái phiếu phù hợp (căn cứ lợi suất giao dịch thứ cấp/sơ cấp của tài sản có tính chất tương tự, có thời gian đáo hạn tương tự hoặc trên cơ sở dự báo biến động của đường cong lợi suất);
- (5) Lựa chọn phương thức tính ngày phù hợp theo thông lệ thị trường và loại tài sản;
- (6) Áp dụng công thức nêu trên để tính giá trái phiếu.

Ví dụ minh họa:

Một Trái Phiếu có các đặc tính như sau:

- Mệnh giá: 100.000 (Một trăm nghìn) đồng/trái phiếu
- Ngày phát hành: 26/08/2022
- Ngày đáo hạn: 26/08/2029
- Kỳ tính lãi: định kỳ 01 (một) năm/lần, vào ngày tròn 01 (một) năm kể từ ngày phát hành cho đến (nhưng không bao gồm) ngày đáo hạn
- Lãi suất cố định: 8,6%/năm (Tám phẩy sáu phần trăm một năm).

Các thông số tính toán được xác định như sau:

- Ngày giao dịch (ngày niêm yết) dự kiến: 26/12/2022
- Số kỳ hưởng lãi và nhận lãi còn lại (n): 7 (Bảy) kỳ, ngày nhận lãi là các ngày 26/08/2023; 26/08/2024; 26/08/2025; 26/08/2026; 26/08/2027; 26/08/2028; và 23/08/2029.
- Phương pháp tính ngày: Số ngày năm giữ thực tế của năm dương lịch/365
- Lợi suất kỳ vọng (giả sử bằng với lãi suất cố định): 8,6%/năm (Tám phẩy sáu phần trăm một năm)

Kỳ thanh toán	1	2	3	4	5	6	7
	26/08/2023	26/08/2024	26/08/2025	26/08/2026	26/08/2027	26/08/2028	26/08/2029
Lãi suất	8,6%	8,6%	8,6%	8,6%	8,6%	8,6%	8,6%
Dòng tiền lãi (CF_i)	8.600	8.600	8.600	8.600	8.600	8.600	8.600
8 Tiền gốc trái phiếu	0	0	0	0	0	0	100.000
Số ngày năm giữ thực tế (n)	243	609	974	1.339	1.704	2.070	2.435
Lợi suất trái phiếu kỳ vọng (k)	8,6%	8,6%	8,6%	8,6%	8,6%	8,6%	8,6%

Với các đặc điểm của trái phiếu và giả định nêu trên, giá của trái phiếu tại ngày giao dịch (ngày niêm yết) dự kiến là:

$$PV = \frac{8.600}{(1+8,6\%)^{243/365}} + \frac{8.600}{(1+8,6\%)^{609/365}} + \frac{8.600}{(1+8,6\%)^{974/365}} + \frac{8.600}{(1+8,6\%)^{1339/365}} + \frac{8.600}{(1+8,6\%)^{1704/365}} + \frac{8.600}{(1+8,6\%)^{2070/365}} + \frac{108.600}{(1+8,6\%)^{2435/365}}$$

$$PV = 7.140 + 7.494 + 6.900 + 6.354 + 5.850 + 5.386 + 62.633 = 102.757$$

(đồng/trái phiếu)

15. Phương pháp tính lợi suất khi đáo hạn (Công thức kèm ví dụ minh họa)

- Lợi suất đáo hạn – YTM (Yield to Maturity) là đại lượng đo lường lợi suất (tỷ suất lợi nhuận) mà nhà đầu tư nhận được từ trái phiếu từ khi mua và nắm giữ trái phiếu đến khi đáo hạn. Nói cách khác, YTM là mức lãi suất làm cho giá trị hiện tại của các dòng tiền mà nhà đầu tư nhận được từ trái phiếu bằng với giá trị đầu tư ban đầu (giá mua/giá trị thị trường của trái phiếu).
- Để xác định YTM, nhà đầu tư có thể áp dụng công thức tương tự công thức tính giá trái phiếu được trình bày tại mục “14 – Phương pháp tính giá” trên đây.

$$PV = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

Ví dụ minh họa:

- Một Trái Phiếu có các đặc tính như sau:
 - Mệnh giá: 100.000 (Một trăm nghìn) đồng/trái phiếu
 - Ngày phát hành: 26/08/2022
 - Ngày đáo hạn: 26/08/2029

- Kỳ tính lãi: định kỳ 01 (một) năm/lần, vào ngày tròn 01 (một) năm kể từ ngày phát hành cho đến (nhưng không bao gồm) ngày đáo hạn
- Lãi suất cố định: 8,6%/năm (Tám phẩy sáu phần trăm một năm).
- Các thông số tính toán được xác định như sau:
 - Ngày giao dịch (ngày niêm yết) dự kiến: 26/12/2022
 - Giá giao dịch dự kiến: 102.757 (đồng/trái phiếu)

Lợi suất trái phiếu khi đáo hạn sẽ được tính như sau:

$$102.757 = \frac{8.600}{(1+k\%)^{243/365}} + \frac{8.600}{(1+k\%)^{609/365}} + \frac{8.600}{(1+k\%)^{974/365}} + \frac{8.600}{(1+k\%)^{1339/365}} + \frac{8.600}{(1+k\%)^{1704/365}} + \frac{8.600}{(1+k\%)^{2070/365}} + \frac{108.600}{(1+k\%)^{2435/365}}$$

Áp dụng phương pháp nội suy: $k = 8,6\%$ Do đó, $YTM = 8,6\%$.

16. Phương pháp thực hiện quyền:

Không áp dụng.

17. Đánh giá tác động của tình hình lạm phát đối với trái phiếu niêm yết:

Lạm phát được xác định là một trong những chỉ tiêu quan trọng trong điều hành kinh tế vĩ mô ở Việt Nam từ trước đến nay. Trong những năm qua, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách, biện pháp quyết liệt để kiềm chế lạm phát và nhằm ổn định kinh tế vĩ mô. Giá trị trái phiếu được tính toán dựa trên cơ sở chiết khấu dòng tiền phát sinh trong tương lai về thời điểm hiện tại, do đó chịu tác động trực tiếp bởi lãi suất thị trường hay còn gọi là rủi ro lãi suất. Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị trái phiếu sẽ giảm khi lãi suất thị trường tăng, và ngược lại.

Khi tỷ lệ lạm phát tăng, lãi suất thị trường sẽ có xu hướng tăng tương ứng, khiến cho nhà đầu tư đòi hỏi mức sinh lời từ Trái phiếu cao hơn, làm tăng lãi suất chiết khấu, do đó làm giảm trị hiện tại của trái phiếu. Ngược lại, nếu tỷ lệ lạm phát giảm kéo theo lãi suất thị trường giảm làm giảm chi phí đi vay của doanh nghiệp, tăng khả năng thanh toán nợ và trực tiếp làm tăng giá trị trái phiếu. Có thể nhận định rằng, tỷ lệ lạm phát và lãi suất thị trường có mối quan hệ ngược chiều với giá của trái phiếu. Trong trường hợp diễn biến kinh tế vĩ mô trong thời hạn trái phiếu không có biến động bất thường, Trái phiếu niêm yết dự kiến sẽ không chịu ảnh hưởng quá lớn đến từ tình hình lạm phát và lãi suất.

18. Cam kết về tỷ lệ đảm bảo:

Không có.

19. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

Đối với loại trái phiếu do BVB đã phát hành và đăng ký niêm yết, hiện tại không có quy định về giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài. Tuy nhiên, tùy thuộc vào tình hình thị trường, điều kiện kinh tế xã hội của Việt Nam trong tương lai, NHNN hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác có thể ban hành quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu trái phiếu đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài, và khi đó có thể ảnh hưởng tới việc chuyển nhượng trái phiếu từ nhà đầu tư trong nước cho nhà đầu tư nước ngoài

20. Các loại thuế có liên quan:

Phần trình bày về thuế trong phần này dựa trên luật hiện hành tại ngày phát hành Bản Cáo Bạch và phụ thuộc vào bất kỳ thay đổi về luật nào mà có thể có hiệu lực hồi tố được ban hành sau ngày phát hành Bản Cáo Bạch. Những nội dung tóm tắt dưới đây không phải là những phân tích có tính toàn diện về các điểm cần lưu ý về thuế có thể có ảnh hưởng tới quyết định mua, sở hữu hoặc bán Trái Phiếu và không nhằm mục đích giải quyết các vấn đề về thuế đối với tất cả các nhà đầu tư, một số nhà đầu tư (như người môi giới chứng khoán hoặc môi giới mua bán hàng hóa) phải tuân theo các quy định riêng.

20.1. Thuế Thu Nhập Cá Nhân:

Thu nhập từ lãi thu được từ Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu của cá nhân sẽ được xem là thu nhập chịu thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 15/08/2013 và có hiệu lực từ ngày 01/10/2013 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 92/2015/TT-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 15/06/2015 và có hiệu lực từ ngày 30/07/2015 và sẽ được khấu trừ thuế với mức thuế như sau:

- Thu nhập từ lãi trái phiếu được xem là thu nhập từ đầu tư vốn. Thuế suất thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ đầu tư vốn là 5%; và
- Thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu được xem là khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn (chứng khoán). Thuế suất thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ chuyển nhượng vốn là 0,1% trên giá chuyển nhượng từng lần.

20.2. Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp:

- Các tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và các tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật nước ngoài (tổ chức nước ngoài) đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai và nộp thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí theo hướng dẫn tại thông tư số 78/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 18/06/2014 và có hiệu lực từ ngày 02/08/2014, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 22/06/2015 và có hiệu lực từ ngày 06/08/2015 sẽ nộp thuế Thu nhập Doanh Nghiệp ở mức thuế suất là 20% trên lợi nhuận từ năm 2016
- Các tổ chức nước ngoài không đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí sẽ được khấu trừ và nộp thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp trên thu nhập từ lãi thu được từ trái phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng trái phiếu theo quy định tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06/08/2014 và có hiệu lực ngày 01/10/2014 với mức thuế suất áp dụng như sau:
 - ✓ Mức thuế suất áp dụng đối với tiền lãi từ trái phiếu là 5%; và
 - ✓ Mức thuế suất áp dụng đối với thu nhập từ việc chuyển nhượng trái phiếu: 0,1% trên tổng thu nhập doanh thu chuyển nhượng trái phiếu tại thời điểm chuyển nhượng.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN:

1. Tổ chức kiểm toán:

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KPMG TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Địa chỉ: Tòa nhà Sun Wah, lầu 10, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 3821 9266 Fax: (028) 3821 9267

2. Tổ chức tư vấn:

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

- Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, P. Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 7300 7000 Fax: (028)7300 3751

VII. PHỤ LỤC

- Bản sao hợp lệ Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Nghị quyết số 01/22/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/04/2022 của Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng Bản Việt thông qua việc niêm yết trái phiếu;
- Quyết định số 85/21/QĐ-HĐQT ngày 29/11/2021 của Hội đồng quản trị BVB thông qua phương án phát hành trái phiếu ra công chúng tăng vốn cấp 2 năm 2021 – 2022;
- Quyết định số 80/22/QĐ-HĐQT ngày 15/06/2022 của Hội đồng quản trị BVB về việc điều chỉnh phương án phát hành trái phiếu ra công chúng tăng vốn cấp 2 năm 2021 – 2022;
- Quyết định số 132A/22/QĐ-TGDĐ ngày 20/06/2022 của Tổng Giám đốc BVB về việc triển khai phát hành trái phiếu ra công chúng tăng vốn cấp 2 năm 2021 – 2022 (Đợt 2);
- Điều lệ Ngân hàng TMCP Bản Việt;
- Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2020, 2021 (đã kiểm toán) và báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất Quý 3/2022;
- Các tài liệu khác có liên quan.

TP Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 12 năm 2022
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

Viet Capital Bank

Ngân hàng Bản Việt

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



LÊ ANH TÀI

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGÔ QUANG TRUNG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



PHAN THỊ HỒNG LAN

GIÁM ĐỐC KHỐI TÀI CHÍNH

KIỂM KÊ TOÁN TRƯỞNG



LÝ CÔNG NHA

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

ACBS

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN ĐỨC HOÀN